

Số: 111/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của
Chính phủ tại thị trường trong nước**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này hướng dẫn chi tiết việc phát hành, thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phát hành, thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán được Bộ Tài chính chỉ định thực hiện hoạt động đấu thầu theo quy định tại Thông tư này, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, các nhà

tạo lập thị trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành và thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 95/2018/NĐ-CP), trong Thông tư này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Tín phiếu” là tín phiếu Kho bạc do Kho bạc Nhà nước tổ chức phát hành theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

2. “Tín phiếu phát hành lần đầu” là loại tín phiếu mới, được phát hành lần đầu tiên trên thị trường sơ cấp.

3. “Tín phiếu phát hành bổ sung” là tín phiếu được phát hành bổ sung cho một mã tín phiếu đang lưu hành và có cùng ngày đáo hạn với tín phiếu đang lưu hành.

4. “Ngày phát hành tín phiếu” là ngày thanh toán tiền mua tín phiếu. Đối với tín phiếu phát hành lần đầu, ngày phát hành tín phiếu đồng thời là ngày tín phiếu bắt đầu có hiệu lực.

5. “Ngày tổ chức phát hành tín phiếu” là ngày tổ chức đấu thầu tín phiếu.

6. “Ngày thanh toán tiền mua tín phiếu” là ngày nhà đầu tư chuyển tiền mua tín phiếu cho chủ thể tổ chức phát hành.

7. “Ngày đăng ký cuối cùng của tín phiếu” là ngày Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam xác định danh sách chủ sở hữu tín phiếu để thanh toán tín phiếu.

8. “Trái phiếu” là trái phiếu Chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc do Kho bạc Nhà nước tổ chức phát hành theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

9. “Trái phiếu phát hành lần đầu” là loại trái phiếu mới, được phát hành lần đầu tiên trên thị trường sơ cấp.

10. “Trái phiếu phát hành bổ sung” là loại trái phiếu được phát hành bổ sung cho một mã trái phiếu đang lưu hành, có cùng lãi suất danh nghĩa và cùng ngày đáo hạn với trái phiếu đang lưu hành.

11. “Ngày phát hành trái phiếu” là ngày thanh toán tiền mua trái phiếu. Đối với mã trái phiếu phát hành lần đầu, ngày phát hành trái phiếu đồng thời là ngày trái phiếu bắt đầu có hiệu lực.

12. “Ngày tổ chức phát hành trái phiếu” là ngày tổ chức đấu thầu đối với

trái phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu và là ngày Kho bạc Nhà nước ký hợp đồng bảo lãnh phát hành đối với trái phiếu phát hành theo phương thức bảo lãnh.

13. “Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu” là ngày nhà đầu tư chuyển tiền mua trái phiếu cho chủ thể tổ chức phát hành.

14. “Kỳ hạn còn lại của trái phiếu” là thời gian còn lại thực tế tính từ ngày phát hành bổ sung trái phiếu đến ngày trái phiếu đáo hạn.

15. “Trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ” là trái phiếu được phát hành thấp hơn mệnh giá, không thanh toán lãi định kỳ mà thanh toán một lần cả gốc và lãi tại ngày đáo hạn.

16. “Ngày đăng ký cuối cùng của trái phiếu” là ngày Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam xác định danh sách chủ sở hữu để thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

17. “Lãi suất danh nghĩa của trái phiếu” là tỷ lệ phần trăm (%) lãi hàng năm tính trên mệnh giá trái phiếu mà chủ thể phát hành phải thanh toán cho chủ sở hữu trái phiếu vào các kỳ trả lãi theo các điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

Điều 3. Xây dựng và công bố kế hoạch phát hành

1. Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu huy động vốn cho ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính giao nhiệm vụ, Kho bạc Nhà nước xây dựng và thông báo kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ dự kiến cho cả năm.

2. Hàng quý, căn cứ vào kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ cả năm và kế hoạch điều hành ngân sách nhà nước hàng quý, Kho bạc Nhà nước xây dựng và thông báo kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ dự kiến cho từng quý.

3. Kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ hàng năm, hàng quý được công bố trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Tổ chức đấu thầu tín phiếu và trái phiếu

1. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức đấu thầu tín phiếu.

2. Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức đấu thầu trái phiếu.

3. Việc Kho bạc Nhà nước trực tiếp đấu thầu tín phiếu, trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn khác của Bộ Tài chính.

Điều 5. Lịch biểu phát hành

1. Đối với phát hành tín phiếu

a) Tín phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu:

- Ngày tổ chức phát hành tín phiếu là ngày thứ Hai trong tuần phát hành. Căn cứ kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ, nhu cầu huy động vốn cho ngân sách nhà nước và nhu cầu quản lý ngân quỹ, Kho bạc Nhà nước có thể quyết định ngày tổ chức phát hành tín phiếu vào ngày khác trong tuần;

- Ngày thanh toán tiền mua tín phiếu là ngày làm việc liền kề sau ngày tổ chức phát hành.

b) Tín phiếu phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: ngày tổ chức phát hành và thanh toán tiền mua tín phiếu thực hiện theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở đề án phát hành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đối với phát hành trái phiếu

a) Trái phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu hoặc bảo lãnh:

- Ngày tổ chức phát hành trái phiếu là ngày thứ Tư trong tuần phát hành. Căn cứ kế hoạch phát hành công cụ nợ của Chính phủ, nhu cầu huy động vốn cho ngân sách Nhà nước và nhu cầu quản lý ngân quỹ, Kho bạc Nhà nước có thể quyết định ngày tổ chức phát hành trái phiếu vào các ngày khác trong tuần;

- Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu là ngày làm việc liền kề sau ngày tổ chức phát hành;

- Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Kho bạc Nhà nước thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán lịch biểu dự kiến phát hành trái phiếu theo phương thức đấu thầu để làm căn cứ triển khai thực hiện.

b) Trái phiếu phát hành theo phương thức riêng lẻ:

- Căn cứ vào phương án phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ được Bộ Tài chính chấp thuận, Kho bạc Nhà nước thông báo thời gian phát hành và tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

- Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu là ngày nhà đầu tư mua trái phiếu tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngày nhà đầu tư chuyển tiền mua trái phiếu vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TÍN PHIẾU

Điều 6. Các bước tổ chức đấu thầu tín phiếu

1. Tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu thầu tín phiếu, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo phát hành tín phiếu cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo gồm:

a) Mã tín phiếu dự kiến phát hành do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp;

b) Kỳ hạn tín phiếu, khối lượng gọi thầu, hình thức tín phiếu đối với từng mã tín phiếu dự kiến phát hành, trong đó nêu rõ tín phiếu phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung. Đối với trường hợp tín phiếu phát hành bổ sung, thông báo phải nêu rõ điều kiện, điều khoản của tín phiếu đang lưu hành;

c) Ngày tổ chức phát hành, ngày phát hành, ngày thanh toán tiền mua tín phiếu và ngày đáo hạn đối với từng mã tín phiếu;

d) Phương thức thanh toán tín phiếu đến hạn;

đ) Hình thức đấu thầu;

e) Phương thức xác định kết quả đấu thầu;

g) Tài khoản nhận tiền mua tín phiếu của Kho bạc Nhà nước.

2. Tối thiểu hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu thầu tín phiếu, căn cứ đề nghị của Kho bạc Nhà nước, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi thông báo phát hành tín phiếu tới các nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức phát hành, nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin dự thầu theo quy trình và mẫu đăng ký dự thầu do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường được phép dự thầu tối đa năm (05) mức dự thầu cạnh tranh lãi suất đối với mỗi mã tín phiếu gọi thầu, mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp mua tín phiếu cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

4. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng

theo quy định tại Khoản 3 Điều này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho Kho bạc Nhà nước.

5. Chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày tổ chức phát hành, căn cứ vào thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước xác định mức lãi suất phát hành đối với mỗi mã tín phiếu gọi thầu và thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xác định kết quả đấu thầu tín phiếu theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

6. Thông báo kết quả đấu thầu

a) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu tín phiếu điện tử.

b) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả phát hành (gồm kết quả đấu thầu quy định tại Điểm a Khoản này và kết quả phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu quy định tại Điều 8 Thông tư này, nếu có) cho Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này. Đồng thời thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Thông tư này.

Điều 7. Công thức xác định giá bán tín phiếu

Giá bán một (01) tín phiếu phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung được xác định theo công thức sau:

$$G = \frac{MG}{1 + \frac{L_t \times n}{365}}$$

Trong đó:

G = Giá bán một (01) tín phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá tín phiếu;

L_t = Lãi suất phát hành cho chủ sở hữu tín phiếu (%/365 ngày);

n = Số ngày thực tế kể từ ngày thanh toán tiền mua tín phiếu tới ngày tín phiếu đáo hạn.

Điều 8. Phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu

1. Căn cứ vào kết quả trúng thầu quy định tại Điều 6 Thông tư này, Kho bạc Nhà nước quyết định việc phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu và thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các bước phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu

a) Nguyên tắc phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu:

- Chỉ áp dụng đối với các mã tín phiếu có kết quả trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút theo thông báo kết quả đấu thầu quy định tại Khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

- Khối lượng phát hành thêm do Kho bạc Nhà nước quyết định nhưng tối đa không quá 50% khối lượng gọi thầu đối với mỗi mã tín phiếu theo thông báo phát hành tín phiếu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

- Lãi suất phát hành đối với mỗi mã tín phiếu gọi thầu thêm được xác định bằng lãi suất trúng thầu trong trường hợp đấu thầu đơn giá hoặc bằng bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trong trường hợp đấu thầu đa giá và được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

b) Kho bạc Nhà nước thông báo phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu cùng với việc thông báo lãi suất phát hành tín phiếu cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư này. Nội dung thông báo bao gồm: mã tín phiếu phát hành thêm, khối lượng phát hành thêm, lãi suất phát hành thêm và thời gian đăng ký mua thêm.

c) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo việc phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường.

d) Nhà tạo lập thị trường trúng thầu đối với bất kỳ mã tín phiếu nào tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút được đăng ký tham gia mua thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu cho chính mình hoặc cho khách hàng. Khối lượng đăng ký mua thêm của mỗi nhà tạo lập thị trường (bao gồm cho chính mình hoặc khách hàng) đối với mỗi mã tín phiếu không được vượt quá khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu theo thông báo của Kho bạc Nhà nước và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này.

đ) Thông tin đăng ký mua thêm tín phiếu của nhà tạo lập thị trường bao gồm:

- Mã tín phiếu đăng ký mua thêm;
- Khối lượng đăng ký mua thêm tương ứng với mỗi mã tín phiếu;
- Tên khách hàng.

e) Nguyên tắc xác định khối lượng phát hành thêm cho các nhà tạo lập thị trường:

- Trường hợp khối lượng đăng ký mua thêm nhỏ hơn hoặc bằng khối lượng phát hành thêm, khối lượng phát hành thêm cho mỗi nhà tạo lập thị trường bằng khối lượng đăng ký mua thêm của nhà tạo lập thị trường đó;

- Trường hợp khối lượng đăng ký mua thêm vượt quá khối lượng phát hành thêm, việc phân bổ mỗi mã tín phiếu cho từng nhà tạo lập thị trường được dựa trên tỷ lệ giữa khối lượng đăng ký mua thêm của nhà tạo lập thị trường so với tổng khối lượng đăng ký mua thêm và được làm tròn xuống hàng mười nghìn (10.000) đơn vị tín phiếu. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà tạo lập thị trường đầu tiên đăng ký mua thêm, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đăng ký mua thêm thì phần vượt quá này được phân bổ cho nhà tạo lập thị trường đăng ký tiếp theo cho đến hết khối lượng tín phiếu phát hành thêm.

g) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định khối lượng phát hành thêm cho từng nhà tạo lập thị trường và thông báo cho Kho bạc Nhà nước.

h) Kết thúc phiên phát hành thêm, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả phát hành cho các nhà tạo lập thị trường đăng ký mua thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu.

Điều 9. Phát hành tín phiếu trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng đề án phát hành tín phiếu trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP. Trường hợp phát hành tín phiếu qua năm ngân sách, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định trước khi tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở đề án phát hành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính tổ chức phát hành tín phiếu trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP. Hợp đồng bán tín phiếu trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Mục 1

ĐẤU THẦU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 10. Các bước tổ chức đấu thầu

1. Tối thiểu bốn (04) ngày làm việc trước ngày tổ chức phát hành trái phiếu, căn cứ đề nghị của Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo phát hành tới toàn bộ nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Mã trái phiếu dự kiến phát hành do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp;

b) Kỳ hạn, khối lượng gọi thầu dự kiến đối với từng mã trái phiếu trong đó nêu rõ phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung. Đối với trường hợp phát hành bổ sung, thông báo phải nêu rõ điều kiện, điều khoản của trái phiếu đang lưu hành;

c) Ngày tổ chức phát hành, ngày phát hành, ngày thanh toán tiền mua, ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn đối với từng mã;

d) Phương thức thanh toán tiền lãi, gốc;

đ) Hình thức đấu thầu;

e) Phương thức xác định kết quả đấu thầu;

g) Lãi suất tham chiếu và cách xác định lãi suất, cách xác định giá bán đối với trường hợp trái phiếu có lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi;

h) Tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của Kho bạc Nhà nước.

2. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức phát hành, các nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch chứng khoán thông tin dự thầu theo mẫu đăng ký dự thầu của Sở Giao dịch chứng khoán. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường dự thầu cạnh tranh lãi suất được phép đặt tối đa năm (05) mức dự thầu đối với mỗi mã trái phiếu gọi thầu, mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp mua cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

3. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng

quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Giao dịch chứng khoán mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho Kho bạc Nhà nước.

4. Căn cứ vào thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch chứng khoán, Kho bạc Nhà nước xác định mức lãi suất phát hành đối với mỗi mã gọi thầu và thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán để xác định kết quả đấu thầu theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

5. Thông báo kết quả đấu thầu

a) Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu điện tử;

b) Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả phát hành (gồm kết quả đấu thầu quy định tại Điểm a Khoản này và kết quả phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu quy định tại Điều 13 Thông tư này, nếu có) cho Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này. Đồng thời, thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Thông tư này.

Điều 11. Xác định kết quả đấu thầu

1. Việc xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa, khối lượng trúng thầu và giá bán trái phiếu được căn cứ vào các yếu tố sau:

- a) Khối lượng trái phiếu gọi thầu;
- b) Lãi suất và khối lượng trái phiếu dự thầu;
- c) Khung lãi suất phát hành trái phiếu do Bộ Tài chính quy định.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung tất cả nhà đầu tư (đặt thầu cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định;
- Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho hình thức cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định;

+ Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng trái phiếu trúng thầu

a) Đối với trái phiếu được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng trái phiếu phát hành cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị trái phiếu. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư tiếp theo cho đến hết khối lượng trái phiếu gọi thầu.

b) Đối với trái phiếu được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu, thì sau khi đã trừ đi khối lượng phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất và khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị trái phiếu. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư tiếp theo cho đến hết khối lượng trái phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng trái phiếu phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh

tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu không cạnh tranh lãi suất vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP, khối lượng trái phiếu phát hành cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng trái phiếu dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị trái phiếu. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư tiếp theo cho đến hết khối lượng trái phiếu gọi thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, trái phiếu sẽ không được phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

4. Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa và phân bổ khối lượng trúng thầu tại Phụ lục 4 Thông tư này.

5. Số tiền bán trái phiếu được xác định bằng số lượng trái phiếu bán cho chủ sở hữu trái phiếu nhân với giá bán một (01) trái phiếu.

Điều 12. Công thức xác định giá bán trái phiếu

1. Xác định giá bán một (01) trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ đối với trường hợp phát hành lần đầu và trường hợp phát hành bổ sung:

$$GG = MG \times \frac{1}{(1 + L_t)^{\left(\frac{a}{E} + t - 1\right)}}$$

Trong đó:

GG = Giá bán một (01) trái phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá trái phiếu;

a = Số ngày kể từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu của chủ sở hữu cho đến ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi theo giả định khi việc thanh toán xảy ra;

t = Số kỳ trả lãi giả định kể từ ngày thanh toán tiền mua đến ngày trái phiếu đáo hạn;

Lt = Lãi suất phát hành cho chủ sở hữu trái phiếu (%/năm).

2. Xác định giá bán một (01) trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định,

thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

a) Đối với phát hành lần đầu:

- Giá bán một (01) trái phiếu được xác định như sau:

$$GG = MG \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^t} \right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^t} \right\}$$

b) Đối với phát hành bổ sung:

- Trường hợp ngày thanh toán tiền mua trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như sau:

$$GG = MG \times \left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^{\left(1 - \frac{d}{E}\right)} \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^t} \right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^t} \right\}$$

- Trường hợp ngày thanh toán tiền mua sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^{\frac{d}{E}}} \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^{t-1}} \right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{K}\right)^{t-1}} \right\}$$

Trong đó:

GG = Giá bán một (01) trái phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá trái phiếu;

Lc = Lãi suất danh nghĩa (%/năm). Đối với phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu áp dụng đối với các nhà tạo lập trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân. Đối với phát hành bổ sung, Lc là lãi suất danh nghĩa của trái phiếu đang lưu hành và được phát hành bổ sung;

K = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

d = Số ngày thực tế giữa ngày thanh toán tiền mua của chủ sở hữu và ngày thanh toán tiền lãi trái phiếu đầu tiên kể từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu;

E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà trái phiếu được phát hành bổ sung;

t = Số lần thanh toán lãi trái phiếu giữa ngày thanh toán tiền mua của chủ sở hữu trái phiếu và ngày đáo hạn của trái phiếu;

Lt = Lãi suất phát hành cho chủ sở hữu trái phiếu (%/năm).

3. Xác định giá bán một (01) trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn hoặc dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

a) Xác định số tiền lãi của một (01) trái phiếu:

- Công thức tính số tiền lãi của một (01) trái phiếu đối với kỳ trả lãi đầu tiên trong trường hợp kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo:

$$GL_1 = MG \times \frac{L_c}{k} \times \frac{a1}{E}$$

- Công thức tính số tiền lãi của một (01) trái phiếu đối với kỳ trả lãi đầu tiên trong trường hợp kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo:

$$GL_1 = MG \times \frac{L_c}{k} \times \left(1 + \frac{a2}{E}\right)$$

Ví dụ về cách xác định tiền lãi của một (01) trái phiếu đối với kỳ trả lãi đầu tiên trong trường hợp kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lại tiếp theo tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

- Công thức tính số tiền lãi của một (01) trái phiếu đối với các kỳ trả lãi tiếp theo:

$$GL_n = MG \times \frac{L_c}{k}$$

Trong đó:

GL_1 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) trái phiếu đối với kỳ trả lãi đầu tiên (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_n = Số tiền thanh toán lãi của một (01) trái phiếu đối với các kỳ trả lãi tiếp theo (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá trái phiếu;

L_c = Lãi suất danh nghĩa trái phiếu (%/năm). Đối với phát hành lần đầu, lãi suất danh nghĩa là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu áp dụng đối với các nhà tạo lập trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân. Đối với phát hành bổ sung, L_c là lãi suất danh nghĩa của trái phiếu đang lưu hành và được phát hành bổ sung;

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

$a1$ = Số ngày thực tế giữa ngày thanh toán tiền mua trái phiếu và ngày thanh toán tiền lãi đầu tiên kể từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu;

$a2$ = Số ngày từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu của chủ sở hữu

trái phiếu đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giả định khi việc thanh toán xảy ra.

b) Xác định giá bán một (01) trái phiếu phát hành lần đầu:

- Trường hợp trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1 - \frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{a1}{E}\right)}} \left\{ GL_1 + MG \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 - \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right] + \frac{1}{\left(1 - \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right\} \right\}$$

- Trường hợp thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(1 + \frac{a2}{E}\right)}} \left\{ GL_1 + MG \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right] + \frac{1}{\left(1 - \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right\} \right\}$$

GG = Giá bán một (01) trái phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_1 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) trái phiếu Chính phủ đối với kỳ trả lãi đầu tiên, được làm tròn đến xuống đơn vị đồng (theo công thức nêu tại điểm a nêu trên);

MG = Mệnh giá trái phiếu;

L_t = Lãi suất phát hành cho chủ sở hữu trái phiếu (%/năm);

L_c = Lãi suất danh nghĩa trái phiếu (%/năm), là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu áp dụng đối với các nhà tạo lập trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân. Đối với phát hành bổ sung, L_c là lãi suất danh nghĩa của trái phiếu đang lưu hành và được phát hành bổ sung;

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

$a1$ = Số ngày thực tế giữa ngày thanh toán tiền mua trái phiếu và ngày thanh toán tiền lãi đầu tiên kể từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu;

$a2$ = Số ngày từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu của chủ sở hữu đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường;

t = Số lần thanh toán lãi giữa ngày thanh toán tiền mua trái phiếu của chủ sở hữu và ngày đến hạn của trái phiếu.

c) Đối với trái phiếu phát hành bổ sung:

- Trường hợp ngày thanh toán tiền mua trái phiếu trước hoặc vào ngày đăng ký nhận tiền lãi trái phiếu cuối cùng của kỳ trả lãi đầu tiên:

+ Đối với trái phiếu phát hành lần đầu có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như đối với trái phiếu phát hành lần đầu có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn;

+ Đối với trái phiếu phát hành lần đầu có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn: trường hợp ngày phát hành bổ sung trước hoặc vào ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giá định, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như trái phiếu phát hành lần đầu có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn; trường hợp ngày phát hành bổ sung sau ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giá định, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như trái phiếu phát hành lần đầu có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn.

- Trường hợp ngày thanh toán tiền mua trái phiếu sau ngày đăng ký cuối cùng để nhận được tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên, giá bán một (01) trái phiếu được xác định như trường hợp có các kỳ trả lãi bằng nhau được phát hành bổ sung theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Việc xác định lãi suất tham chiếu, cách thức xác định lãi suất để xác định giá bán đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi thực hiện theo công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 13. Phát hành thêm trái phiếu ngay sau phiên đấu thầu

1. Căn cứ vào kết quả trúng thầu quy định tại Điều 10 Thông tư này, Kho bạc Nhà nước quyết định việc phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu và thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các bước phát hành thêm trái phiếu ngay sau phiên đấu thầu

a) Nguyên tắc phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu:

- Chỉ áp dụng đối với các mã có kết quả trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút theo thông báo kết quả đấu thầu quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Thông tư này;

- Khối lượng phát hành cho các nhà tạo lập thị trường (bao gồm cho chính mình và cho các khách hàng) tối đa không quá 50% khối lượng gọi thầu đối với mỗi mã theo thông báo phát hành trái phiếu quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

- Lãi suất phát hành đối với mỗi mã gọi thầu thêm được xác định bằng lãi suất trúng thầu trong trường hợp đấu thầu đơn giá hoặc bằng bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trong trường hợp đấu thầu đa giá và được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân.

b) Kho bạc Nhà nước thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán về việc phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu cùng thời điểm với việc thông báo lãi suất phát hành theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư này. Nội dung thông báo bao gồm: mã phát hành thêm, khối lượng phát hành thêm, lãi suất phát hành thêm và thời gian đăng ký mua thêm.

c) Sở Giao dịch chứng khoán thông báo việc phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu điện tử.

d) Nhà tạo lập thị trường trúng thầu đối với bất kỳ mã trái phiếu nào tại phiên đấu thầu được tham gia đăng ký mua thêm ngay sau phiên đấu thầu cho chính mình hoặc mua cho khách hàng. Khối lượng đăng ký mua thêm của mỗi nhà tạo lập thị trường (bao gồm cho chính mình và cho các khách hàng) đối với mỗi mã trái phiếu không được vượt quá khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu theo thông báo của Kho bạc Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này.

đ) Thông tin đăng ký mua thêm của nhà tạo lập thị trường bao gồm:

- Mã trái phiếu đăng ký mua thêm;
- Khối lượng đăng ký mua thêm tương ứng với mỗi mã trái phiếu;
- Tên khách hàng.

e) Nguyên tắc xác định khối lượng phát hành thêm sau phiên đấu thầu cho các nhà tạo lập thị trường:

- Trường hợp khối lượng đăng ký mua thêm nhỏ hơn hoặc bằng khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu, khối lượng phát hành thêm cho mỗi nhà tạo lập thị trường bằng khối lượng đăng ký mua thêm của nhà tạo lập thị trường đó;

- Trường hợp khối lượng đăng ký mua thêm vượt quá khối lượng phát hành thêm, tỷ lệ phân bổ mỗi mã trái phiếu Chính phủ cho từng nhà tạo lập thị trường được dựa trên tỷ lệ khối lượng đăng ký mua thêm so với tổng khối lượng đăng ký mua thêm và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị trái phiếu. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà tạo lập thị trường đầu tiên đăng ký mua thêm, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức

đăng ký mua thêm của nhà tạo lập thị trường này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà tạo lập thị trường đăng ký tiếp theo cho đến hết khối lượng trái phiếu phát hành thêm.

g) Sở Giao dịch chứng khoán xác định khối lượng phát hành thêm cho từng nhà tạo lập thị trường và thông báo cho Kho bạc Nhà nước.

h) Kết thúc phiên phát hành, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả phát hành thêm cho các nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua Hệ thống đấu thầu điện tử.

Mục 2

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 14. Các bước lựa chọn thành viên tổ hợp bảo lãnh

1. Khi có nhu cầu phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh phát hành, Kho bạc Nhà nước thông báo về kế hoạch tổ chức bảo lãnh phát hành trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán để các tổ chức đăng ký tham gia làm tổ chức bảo lãnh chính. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Thông tin dự kiến về đợt bảo lãnh phát hành:

- Điều kiện, điều khoản sơ bộ của trái phiếu bao gồm: đồng tiền phát hành, kỳ hạn, mệnh giá, phương thức thanh toán gốc, lãi;
- Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành;
- Khoảng thời gian dự kiến đàm phán, ký kết hợp đồng bảo lãnh.

b) Thông tin về việc lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính:

- Điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.
- Thời hạn và hình thức nhận hồ sơ đăng ký trở thành tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính.

2. Các tổ chức đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu trở thành tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính gửi hồ sơ đăng ký được niêm phong theo thông báo của Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký trở thành tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư này;

b) Đề xuất phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung cơ

bản sau đây:

- Dự báo về tình hình thị trường trái phiếu và khả năng phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh;

- Kế hoạch thực hiện đối với đợt bảo lãnh phát hành, gồm: dự kiến thành viên tổ hợp bảo lãnh, cách thức, thời gian triển khai thực hiện, dự kiến về khối lượng, lãi suất phát hành và đề xuất chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu;

- Các cam kết của tổ chức bảo lãnh chính.

c) Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện để trở thành tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính gồm:

- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động (Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu);

- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của tổ chức trong lĩnh vực bảo lãnh chứng khoán và tình hình tài chính (kèm theo báo cáo tài chính được kiểm toán của 02 năm liền kề gần nhất).

3. Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ, Kho bạc Nhà nước thành lập tổ mở hồ sơ niêm phong để đánh giá, lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính căn cứ vào điều kiện và phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu.

4. Kho bạc Nhà nước thông báo bằng văn bản và công bố trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán về kết quả lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính.

5. Kho bạc Nhà nước và tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính thống nhất nội dung và ký hợp đồng nguyên tắc thực hiện đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này. Hợp đồng nguyên tắc là căn cứ để tổ chức bảo lãnh chính/ đồng bảo lãnh chính lựa chọn tổ chức bảo lãnh/tổ chức đồng bảo lãnh.

6. Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính lựa chọn thành viên của tổ hợp bảo lãnh/tổ chức đồng bảo lãnh báo cáo Kho bạc Nhà nước theo mẫu quy định tại mục 1 Phụ lục 8 Thông tư này để Kho bạc Nhà nước chấp thuận.

Điều 15. Tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu

1. Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính và thành viên của tổ hợp bảo lãnh tổng hợp và phân bổ nhu cầu mua trái phiếu của nhà đầu tư để gửi Kho bạc Nhà nước theo mẫu quy định tại mục 2, mục 3 Phụ lục 8 Thông tư này.

2. Trên cơ sở kết quả đàm phán giữa Kho bạc Nhà nước và tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính, vào ngày tổ chức phát hành trái phiếu, Kho bạc

Nhà nước ký hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu với tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính theo mẫu quy định tại mục 4 Phụ lục 8 Thông tư này.

3. Chậm nhất vào ngày làm việc liền kề sau ngày ký hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu, Kho bạc Nhà nước thông báo kết quả bảo lãnh cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán; đồng thời công bố kết quả trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Số tiền bán trái phiếu được xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư này.

5. Giá bán một (01) trái phiếu được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Mục 3 **PHÁT HÀNH RIÊNG LẼ TRÁI PHIẾU**

Điều 16. Các bước phát hành riêng lẻ trái phiếu

1. Đối với trái phiếu phát hành trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước

a) Căn cứ phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu được Bộ Tài chính chấp thuận, Kho bạc Nhà nước cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua trái phiếu các thông tin sau:

- Ngày phát hành, ngày thanh toán tiền mua, ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn trái phiếu dự kiến;

- Khối lượng, kỳ hạn trái phiếu dự kiến phát hành;

- Đối tượng mua trái phiếu;

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu;

- Hình thức trái phiếu;

- Phương thức thanh toán tiền lãi, gốc trái phiếu;

b) Căn cứ vào đăng ký mua trái phiếu, Kho bạc Nhà nước quyết định việc phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ đối với từng đợt và thông báo cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu chuyển tiền vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định;

c) Căn cứ xác nhận chuyển tiền, Kho bạc Nhà nước hạch toán tiền mua trái phiếu vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và làm thủ tục xác nhận sở hữu cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo quy định.

2. Đối với trái phiếu phát hành tại Kho bạc Nhà nước trực thuộc cấp tỉnh hoặc cấp huyện

a) Căn cứ phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu được Bộ Tài chính chấp thuận, tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước đợt phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ, Kho bạc Nhà nước quyết định việc phát hành riêng lẻ tại Kho bạc Nhà nước trực thuộc cấp tỉnh hoặc cấp huyện và thông báo trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng. Nội dung thông báo bao gồm:

- Khối lượng, kỳ hạn trái phiếu dự kiến phát hành;
- Đối tượng mua trái phiếu;
- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu;
- Hình thức trái phiếu;
- Phương thức thanh toán tiền lãi, gốc trái phiếu;
- Thời gian, địa điểm tổ chức phát hành.

b) Trường hợp mua trái phiếu bằng tiền mặt, nhà đầu tư đến địa điểm phát hành trái phiếu để làm thủ tục nộp tiền mua. Căn cứ vào số tiền nộp của nhà đầu tư, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục phát hành trái phiếu theo các điều kiện, điều khoản quy định của đợt phát hành trái phiếu.

c) Trường hợp mua trái phiếu bằng chuyển khoản, nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước. Trên cơ sở giấy chuyển tiền và giấy báo có của ngân hàng, Kho bạc Nhà nước phát hành trái phiếu theo các điều kiện, điều khoản quy định của đợt phát hành trái phiếu.

d) Kho bạc Nhà nước làm thủ tục hạch toán vào ngân sách nhà nước tiền mua trái phiếu theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; giao chứng chỉ (nếu phát hành theo hình thức chứng chỉ); hoặc làm thủ tục xác nhận chủ sở hữu (nếu phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử) cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

đ) Căn cứ quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản này và yêu cầu quản lý, Kho bạc Nhà nước hướng dẫn về việc phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hoặc cấp huyện trực thuộc đối với từng lần phát hành.

Điều 17. Xác định số tiền bán và giá bán trái phiếu theo phương thức riêng lẻ

1. Số tiền bán trái phiếu được xác định được xác định theo nguyên tắc quy

định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư này.

2. Giá bán một (01) trái phiếu được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 18. Lưu giữ, bảo quản, cầm cố và chuyển nhượng trái phiếu phát hành tại Kho bạc Nhà nước

1. Đối với trái phiếu được phát hành theo hình thức chứng chỉ, chủ sở hữu trái phiếu có trách nhiệm tự bảo quản. Trường hợp chủ sở hữu trái phiếu có nhu cầu, Kho bạc Nhà nước tại nơi phát hành thực hiện lưu giữ, bảo quản trái phiếu hộ và không thu phí.

2. Việc cầm cố và chuyển nhượng trái phiếu phát hành theo phương thức riêng lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP. Trường hợp trái phiếu được phát hành theo hình thức ghi tên và được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, việc chuyển nhượng được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước nơi phát hành.

Mục 4

**PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐỂ ĐẢM BẢO THANH KHOẢN
CHO CÁC NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG**

Điều 19. Nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn

1. Căn cứ kế hoạch huy động vốn cho ngân sách nhà nước và tình hình phát triển của thị trường, Kho bạc Nhà nước công bố mã trái phiếu chuẩn để nhà tạo lập thị trường thực hiện nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn trên trang điện tử của Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm: mã trái phiếu chuẩn, kỳ hạn, quy mô của mã, ngày dự kiến tổ chức phát hành lần đầu hoặc ngày dự kiến mở lại mã trái phiếu đã phát hành, thời điểm dự kiến bắt đầu thực hiện nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn.

2. Căn cứ kết quả phát hành trên thị trường sơ cấp của mã trái phiếu chuẩn, tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày bắt đầu thực hiện nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn, Kho bạc Nhà nước công bố chính thức thời điểm nhà tạo lập thị trường bắt đầu thực hiện nghĩa vụ chào giá trên trang điện tử của Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và thông báo đến từng nhà tạo lập thị trường.

3. Phiên chào giá cam kết chắc chắn đối với các mã trái phiếu chuẩn từ 09

giờ đến 10 giờ 30 phút trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Tần suất, khối lượng, biên độ giữa lãi suất tính giá chào mua và lãi suất tính giá chào bán cam kết chắc chắn thực hiện theo thông báo của Bộ Tài chính về nghĩa vụ tham gia giao dịch trên thị trường thứ cấp của nhà tạo lập thị trường.

4. Nhà tạo lập thị trường được quyền lựa chọn dùng chào giá cam kết chắc chắn trong các trường hợp sau:

a) Ngoài phiên chào giá cam kết chắc chắn quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Lệnh chào mua/chào bán cam kết chắc chắn của nhà tạo lập thị trường đã được thực hiện với tần suất và khối lượng theo thông báo của Bộ Tài chính tại Khoản 3 Điều này;

c) Trong thời gian Kho bạc Nhà nước thông báo không phát hành trái phiếu Chính phủ để đảm bảo thanh khoản theo quy định tại Thông tư này.

5. Trường hợp nhà tạo lập thị trường đã hoàn thành nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn theo quy định, nhà tạo lập thị trường được phép lựa chọn dùng hoặc tiếp tục chào giá cam kết chắc chắn. Khi tiếp tục chào giá cam kết chắc chắn, nhà tạo lập thị trường phải đảm bảo chênh lệch giữa lãi suất tính giá chào mua/lãi suất tính giá chào bán không được vượt quá biên độ theo thông báo của Bộ Tài chính.

Điều 20. Hạn mức, thời hạn hợp đồng, tỷ lệ phòng ngừa rủi ro, giá trái phiếu phát hành, tiền ký quỹ và chi phí thực hiện hợp đồng đảm bảo thanh khoản

1. Hạn mức phát hành trái phiếu đảm bảo thanh khoản đối với một mã trái phiếu cho một nhà tạo lập thị trường tại mỗi thời điểm không vượt quá khối lượng chào giá tối thiểu đối với mã đó trong một (01) phiên chào giá cam kết chắc chắn.

2. Thời hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản không quá 28 ngày kể cả thời gian gia hạn (nếu có) và không kéo dài quá ngày đăng ký cuối cùng để nhận tiền lãi trái phiếu của kỳ trả lãi kế tiếp.

3. Tỷ lệ phòng ngừa rủi ro được xác định như sau:

a) Đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới năm (05) năm, tỷ lệ phòng ngừa rủi ro là 5% tính trên giá trái phiếu theo quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ năm (05) năm trở lên, tỷ lệ phòng ngừa rủi ro là 10% tính trên giá trái phiếu theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Giá trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản là mức giá cao hơn của một trong hai mức giá sau:

a) Giá bán trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn tương đương tại thời điểm phát hành gần nhất trên thị trường sơ cấp trong mười (10) ngày làm việc trước ngày ký hợp đồng hỗ trợ thanh khoản. Trái phiếu có kỳ hạn tương đương là trái phiếu có kỳ hạn còn lại ngắn hơn hoặc dài hơn không quá ba (03) tháng so với kỳ hạn còn lại của trái phiếu đề nghị hỗ trợ thanh khoản;

b) Giá chào bán cam kết chắc chắn cao nhất của mã trái phiếu đề nghị hỗ trợ thanh khoản trong cùng phiên chào giá cam kết chắc chắn.

5. Số tiền ký quỹ của nhà tạo lập thị trường được xác định theo công thức sau:

$$MR = GG \times M \times (1 + HC)$$

Trong đó:

MR = Số tiền ký quỹ;

GG = Giá trái phiếu được xác định theo Khoản 4 Điều này;

M = Số lượng trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản;

HC = Tỷ lệ phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

6. Chi phí thực hiện hợp đồng được xác định theo công thức sau:

$$P = L_{\text{tck}} \times GG \times M \times n/365$$

Trong đó:

P = Chi phí thực hiện hợp đồng;

L_{tck} = Lãi suất tái chiết khấu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố gần nhất trước thời điểm ký hợp đồng chi tiết hoặc hợp đồng gia hạn;

GG = Giá trái phiếu được xác định theo Khoản 4 Điều này;

M = Số lượng trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản;

n = Số ngày hỗ trợ thanh khoản.

Điều 21. Các bước phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản

1. Kho bạc Nhà nước ký hợp đồng nguyên tắc hỗ trợ thanh khoản với nhà

tạo lập thị trường theo mẫu quy định tại Mục 1 Phụ lục 9 Thông tư này.

2. Phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản

a) Khi có nhu cầu hỗ trợ thanh khoản, nhà tạo lập thị trường có công văn đề nghị Kho bạc Nhà nước theo mẫu quy định tại Mục 2 Phụ lục 9 Thông tư này;

b) Kho bạc Nhà nước rà soát các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP để quyết định việc phát hành trái phiếu đảm bảo thanh khoản và thông báo cho nhà tạo lập thị trường ký hợp đồng chi tiết theo mẫu quy định tại Mục 3 Phụ lục 9 Thông tư này;

c) Chậm nhất vào lúc 16 giờ của ngày chào giá cam kết chắc chắn, Kho bạc Nhà nước ký hợp đồng chi tiết với nhà tạo lập thị trường và thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán để đăng ký, niêm yết bổ sung khối lượng trái phiếu phát hành đảm bảo thanh khoản.

d) Chậm nhất vào lúc 09 giờ của ngày làm việc liền kề sau ngày ký hợp đồng chi tiết với Kho bạc Nhà nước, nhà tạo lập thị trường đảm bảo tiền ký quỹ được chuyển và ghi có vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định;

đ) Sau khi nhận được tiền ký quỹ, Kho bạc Nhà nước thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam để lưu ký đối với khối lượng trái phiếu phát hành đảm bảo thanh khoản.

3. Trường hợp có nhu cầu gia hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản, trước 11 giờ 30 phút ngày làm việc liền kề trước ngày đáo hạn hợp đồng, nhà tạo lập thị trường có công văn gửi Kho bạc Nhà nước theo mẫu quy định tại Mục 4 Phụ lục 9 Thông tư này. Kho bạc Nhà nước rà soát các điều kiện hỗ trợ thanh khoản, cụ thể như sau:

a) Trường hợp nhà tạo lập thị trường đáp ứng đủ điều kiện để gia hạn, Kho bạc Nhà nước và nhà tạo lập thị trường ký hợp đồng gia hạn theo mẫu quy định tại Mục 5 Phụ lục 9 Thông tư này trước 14 giờ 30 phút cùng ngày;

b) Trường hợp nhà tạo lập thị trường không đáp ứng đủ điều kiện để gia hạn, Kho bạc Nhà nước thông báo cho nhà tạo lập thị trường và thực hiện tất toán hợp đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Khi hợp đồng hỗ trợ thanh khoản đáo hạn, việc tất toán hợp đồng được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất vào 16 giờ của ngày liền kề trước ngày đáo hạn hợp đồng, Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán hủy đăng ký, rút lưu ký và hủy niêm yết đối với khối

lượng trái phiếu đã phát hành cho nhà tạo lập thị trường;

b) Chậm nhất vào 15 giờ ngày đáo hạn hợp đồng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện hủy đăng ký, rút lưu ký và hủy niêm yết trái phiếu của nhà tạo lập thị trường theo quy định tại Điểm a Khoản này và thông báo cho Kho bạc Nhà nước;

c) Chậm nhất vào 16 giờ ngày đáo hạn hợp đồng, Kho bạc Nhà nước chuyển trả tiền ký quỹ cho nhà tạo lập thị trường sau khi trừ chi phí thực hiện hợp đồng và hạch toán vào thu ngân sách nhà nước chi phí thực hiện hợp đồng.

5. Trường hợp nhà tạo lập thị trường không có đủ trái phiếu trong tài khoản tại ngày đáo hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn hợp đồng)

a) Chậm nhất vào 16 giờ của ngày liền kề trước ngày đáo hạn hợp đồng, nhà tạo lập thị trường phải thông báo cho Kho bạc Nhà nước;

b) Chậm nhất vào 16 giờ ngày đáo hạn hợp đồng, Kho bạc Nhà nước tất toán hợp đồng, chuyển toàn bộ tiền ký quỹ thành khoản phát hành trái phiếu Chính phủ cho ngân sách nhà nước.

6. Ví dụ minh họa các bước phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản cho nhà tạo lập thị trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư này.

Chương IV

THANH TOÁN TIỀN MUA TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU VÀ THANH TOÁN GÓC LÃI TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 22. Thanh toán tiền mua tín phiếu và lãi phạt chậm thanh toán tiền mua tín phiếu theo phương thức đấu thầu

1. Việc thanh toán tiền mua tín phiếu thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

2. Tiền lãi phạt chậm thanh toán tiền mua tín phiếu

a) Trường hợp nhà đầu tư chuyển tiền sau ngày thanh toán tiền mua tín phiếu, Kho bạc Nhà nước được thu lãi phạt chậm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư này; trong đó tiền lãi phạt chậm thanh toán được xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 27 Thông tư này;

b) Sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán tiền mua tín phiếu, nếu nhà đầu tư trúng thầu không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mua tín phiếu, Kho bạc Nhà nước hủy kết quả trúng thầu đối với số lượng

tín phiếu không thanh toán và có văn bản thông báo cho nhà đầu tư trúng thầu, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 23. Thanh toán tiền mua trái phiếu và lãi phạt chậm thanh toán tiền mua trái phiếu

1. Thanh toán tiền mua trái phiếu

a) Đối với trái phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành:

- Chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày thanh toán tiền mua trái phiếu do Kho bạc Nhà nước thông báo, nhà tạo lập thị trường (đối với phương thức đấu thầu), tổ chức bảo lãnh chính (đối với phương thức bảo lãnh) phải đảm bảo toàn bộ tiền mua trái phiếu (bao gồm cả tiền mua trái phiếu của khách hàng của nhà tạo lập thị trường và thành viên tổ hợp bảo lãnh của tổ chức bảo lãnh chính) đã được thanh toán và ghi có vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định. Đối với trường hợp khách hàng, thành viên tổ hợp bảo lãnh không thực hiện thanh toán tiền mua trái phiếu thì nhà tạo lập thị trường hoặc tổ chức bảo lãnh chính có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu đó;

- Nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua nhà tạo lập thị trường hoặc tổ chức bảo lãnh chính có thể thanh toán tiền mua trái phiếu thông qua nhà tạo lập thị trường, tổ chức bảo lãnh chính hoặc chuyển trực tiếp vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định nhưng phải đảm bảo đúng thời gian quy định. Trường hợp nhà đầu tư chuyển tiền mua trái phiếu qua nhà tạo lập thị trường hoặc tổ chức bảo lãnh chính để chuyển vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định thì nhà tạo lập thị trường, tổ chức bảo lãnh chính phải ghi đầy đủ thông tin về mã trái phiếu, chủ sở hữu trái phiếu, khối lượng trái phiếu và tổng số tiền mua của chủ sở hữu trái phiếu đó;

- Kho bạc Nhà nước gửi văn bản xác nhận hoàn tất thanh toán tiền mua trái phiếu cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam để thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu.

b) Đối với trái phiếu phát hành theo phương thức riêng lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, tiền mua trái phiếu có thể được thanh toán theo các hình thức sau:

- Thanh toán bằng tiền mặt ngay khi mua trái phiếu tại địa điểm phát hành trái phiếu do Kho bạc Nhà nước công bố;

- Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản chỉ định của Kho bạc Nhà nước tại nơi phát hành trái phiếu.

2. Lãi chậm thanh toán tiền mua trái phiếu

a) Trường hợp nhà đầu tư chuyển tiền sau ngày thanh toán tiền mua trái phiếu quy định tại Khoản 1 Điều này, Kho bạc Nhà nước được thu lãi phạt chậm thanh toán như sau:

- Số tiền lãi chậm thanh toán phải nộp được xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 27 Thông tư này;

- Kho bạc Nhà nước thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư chậm thanh toán tiền mua trái phiếu, trong đó nêu rõ số tiền lãi chậm thanh toán, thời hạn thanh toán và tài khoản nộp tiền lãi chậm thanh toán;

- Nhà đầu tư chậm thanh toán tiền mua trái phiếu phải nộp tiền lãi chậm thanh toán vào ngân sách nhà nước theo thông báo của Kho bạc Nhà nước. Tiền lãi chậm thanh toán tiền mua trái phiếu được ghi thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Đối với trái phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu hoặc bảo lãnh, sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu, nếu nhà đầu tư không thanh toán tiền mua trái phiếu, Kho bạc Nhà nước hủy kết quả phát hành đối với số lượng trái phiếu không thanh toán và có văn bản thông báo cho nhà đầu tư, Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 24. Thanh toán tín phiếu khi đến hạn

1. Thanh toán tín phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu

a) Tín phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu được thanh toán theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 25 Thông tư này;

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chậm chuyển tiền thanh toán tín phiếu thì số tiền lãi chậm thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư này.

2. Tín phiếu phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Đối với tín phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán tín phiếu thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Đối với tín phiếu không được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam:

- Trước ngày thanh toán tín phiếu năm (05) ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho Kho bạc Nhà nước số tiền tín phiếu cần thanh toán,

ngày thanh toán tín phiếu và tài khoản chỉ định thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (nếu có thay đổi);

- Trong ngày thanh toán tín phiếu, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền thanh toán tín phiếu vào tài khoản chỉ định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp ngày thanh toán tín phiếu là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, tín phiếu sẽ được thanh toán vào ngày làm việc liền kề tiếp theo.

Điều 25. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn

1. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu phát hành và bảo lãnh phát hành:

a) Chậm nhất vào ngày hai mươi lăm (25) hàng tháng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho Kho bạc Nhà nước số tiền lãi, gốc trái phiếu cần thanh toán trong tháng tiếp theo và ngày thanh toán;

b) Căn cứ thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày thanh toán lãi gốc trái phiếu, Kho bạc Nhà nước đảm bảo toàn bộ tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu trong ngày thanh toán được chuyển và ghi có vào tài khoản do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo;

c) Trong ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, thông qua thành viên lưu ký, thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho chủ sở hữu trái phiếu xác định tại ngày đăng ký cuối cùng;

d) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chậm so với quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này, Kho bạc Nhà nước phải trả tiền lãi chậm thanh toán. Số tiền lãi chậm thanh toán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phân bổ theo thông báo của Kho bạc Nhà nước để chuyển vào tài khoản của người sở hữu trái phiếu theo tỷ lệ trái phiếu sở hữu. Số tiền lãi chậm thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư này;

đ) Trường hợp Kho bạc Nhà nước đã thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này nhưng Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản của người sở hữu trái phiếu sau ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ phải trả tiền lãi chậm thanh toán cho người chủ sở hữu trái phiếu. Số tiền lãi chậm thanh toán được xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư này;

2. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu phát hành theo phương thức riêng lẻ

a) Đối với trái phiếu được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Đối với trái phiếu không được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.

3. Trường hợp ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, lãi, gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày làm việc liền kề tiếp theo.

Điều 26. Chi phí phát hành, thanh toán gốc, lãi tín phiếu, trái phiếu

1. Ngân sách trung ương chi trả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi tín phiếu, trái phiếu.

2. Chi phí đấu thầu phát hành tín phiếu chi trả cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Chi phí đấu thầu phát hành tín phiếu tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bằng 0,01% giá trị danh nghĩa tín phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu (không áp dụng đối với trường hợp tín phiếu phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

b) Chi phí đấu thầu tín phiếu là nguồn thu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được quản lý theo chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chi cho các nội dung sau: chi phí trực tiếp cho từng phiên đấu thầu; chi mua sắm tài sản cố định, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị, công nghệ; chi hội thảo, khảo sát, học tập kinh nghiệm đấu thầu tín phiếu; chi thông tin, tuyên truyền; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân trong công tác đấu thầu (khoản chi này không được vượt quá 10% tổng phí phát hành và thanh toán tín phiếu được hưởng); chi thiết kế, xây dựng và chỉnh sửa phần mềm chương trình đấu thầu tín phiếu; chi hội nghị, tập huấn, sơ kết, tổng kết công tác tổ chức đấu thầu hằng năm; chi định kỳ sơ kết tình hình đấu thầu và bàn phương hướng công tác; chi mua văn phòng phẩm phục vụ việc đấu thầu tín phiếu; các chi phí khác phục vụ cho việc đấu thầu tín phiếu.

3. Chi phí đấu thầu phát hành trái phiếu qua Sở Giao dịch chứng khoán áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Chi phí hoạt động bảo lãnh phát hành trả cho tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính tối đa 0,1% giá trị danh nghĩa trái phiếu phát hành

theo phương thức bảo lãnh. Căn cứ vào tình hình thị trường, mức độ phức tạp của đợt bảo lãnh phát hành (khối lượng, kỳ hạn trái phiếu phát hành), Kho bạc Nhà nước thỏa thuận và thống nhất với tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính về chi phí bảo lãnh phát hành thanh toán cho tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính và được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.

5. Chi phí thanh toán gốc, lãi tín phiếu, trái phiếu trả cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam: áp dụng mức chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Chi phí phát hành, thanh toán gốc, lãi tín phiếu, trái phiếu chi trả cho Kho bạc Nhà nước

a) Các nội dung chi của Kho bạc Nhà nước bao gồm: chi phí trực tiếp liên quan đến công tác phát hành, thanh toán gốc, lãi tín phiếu, trái phiếu; chi phí in chứng chỉ (nếu có) đối với trường hợp phát hành theo phương thức riêng lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước; chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, thiết bị, công nghệ; chi hội nghị, đào tạo, khảo sát, nghiên cứu phát triển thị trường; chi thông tin, tuyên truyền; chi, khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân theo quy chế do Kho bạc Nhà nước ban hành; các chi phí khác;

b) Kho bạc Nhà nước lập dự toán các nội dung chi theo quy định tại Điểm a Khoản này để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 27. Xác định tiền lãi chậm thanh toán tiền mua tín phiếu, trái phiếu và chậm thanh toán tín phiếu đến hạn, thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Tiền lãi phạt chậm thanh toán tiền mua tín phiếu, trái phiếu được xác định theo công thức sau:

$$P = GG \times N \times \frac{L_0}{k} \times 150\% \times \frac{n}{E}$$

Trong đó:

P = Số tiền lãi phạt chậm thanh toán;

GG = Tiền thanh toán một (01) tín phiếu hoặc trái phiếu;

N = Số lượng tín phiếu, trái phiếu chậm thanh toán;

L₀ = Lãi suất thị trường liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm do Ngân hàng Nhà nước thông báo tại ngày đầu tiên chậm thanh toán (%/năm);

k = bằng một (01) đối với tín phiếu hoặc trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ, bằng số lần thanh toán lãi trong 1 năm đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ;

n = Số ngày thực tế chậm thanh toán tính từ ngày thanh toán;

E = bằng 365 đối với tín phiếu; bằng số ngày thực tế của 1 kỳ trả lãi mà việc chậm thanh toán phát sinh đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ; hoặc bằng số ngày thực tế trong năm phát hành trái phiếu với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ.

2. Tiền lãi chậm thanh toán tín phiếu đến hạn, thanh toán gốc, lãi trái phiếu được xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong đó, GG bằng mệnh giá đối với thanh toán tín phiếu, bằng mệnh giá đối với thanh toán gốc trái phiếu, bằng tiền lãi phải trả đối với thanh toán lãi trái phiếu; E bằng 365 đối với tín phiếu, bằng số ngày thực tế của một kỳ trả lãi, gốc mà việc chậm thanh toán phát sinh của trái phiếu thanh toán lãi định kỳ, bằng số ngày thực tế trong năm đáo hạn đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Báo cáo kết quả phát hành

1. Báo cáo kết quả phát hành tín phiếu

a) Đối với tín phiếu phát hành theo phương thức đấu thầu qua Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành tín phiếu, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính về kết quả phát hành gồm:

- Khối lượng và điều kiện, điều khoản của tín phiếu đã phát hành;
- Kết quả phát hành: thành viên trúng thầu, khối lượng phát hành, lãi suất phát hành, giá bán tín phiếu.

b) Đối với tín phiếu phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước, chậm nhất sau mười (10) ngày làm việc kể từ khi kết thúc đợt phát hành, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính kết quả của đợt phát hành tín phiếu. Nội dung báo cáo bao gồm:

- Khối lượng và điều kiện, điều khoản của tín phiếu phát hành cho Ngân hàng Nhà nước;
- Kết quả của đợt phát hành: Khối lượng, lãi suất phát hành tín phiếu.

2. Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu

a) Đối với trái phiếu phát hành theo phương thức bảo lãnh phát hành, chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính về kết quả phát hành, bao gồm:

- Khối lượng và điều kiện, điều khoản của trái phiếu thông báo phát hành;
- Tình hình tham gia bảo lãnh của các thành viên: số lượng thành viên tham gia, khối lượng, lãi suất đăng ký của từng thành viên;
- Kết quả phát hành: thành viên bảo lãnh, khối lượng phát hành, lãi suất phát hành, giá bán trái phiếu.

b) Đối với trái phiếu phát hành theo phương thức riêng lẻ, chậm nhất sau ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi kết thúc đợt phát hành, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính kết quả của đợt phát hành trái phiếu. Nội dung báo cáo bao gồm:

- Khối lượng và điều kiện, điều khoản của trái phiếu thông báo phát hành;
- Kết quả của đợt phát hành: khối lượng, lãi suất phát hành trái phiếu, lãi suất danh nghĩa và tình hình thanh toán chi phí phát hành.

3. Hình thức báo cáo là thư điện tử hoặc văn bản theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại từng thời kỳ.

Điều 29. Báo cáo tình hình phát hành, thanh toán lãi gốc trái phiếu, tín phiếu và thông tin chào giá cam kết chắc chắn của nhà tạo lập thị trường

1. Chậm nhất vào ngày mười (10) hàng tháng, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính tình hình phát hành, thanh toán trái phiếu, tín phiếu của tháng trước. Trường hợp ngày mười (10) hàng tháng là ngày nghỉ lễ theo quy định thì thời hạn nộp báo cáo tháng là ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày nghỉ lễ. Nội dung báo cáo bao gồm:

- a) Tổng khối lượng trái phiếu, tín phiếu phát hành trong tháng phân theo kỳ hạn và phương thức phát hành;
- b) Tổng khối lượng trái phiếu, tín phiếu thanh toán trong tháng báo cáo;
- c) Tổng khối lượng trái phiếu, tín phiếu dự kiến thanh toán trong tháng tiếp theo.

2. Định kỳ hàng tháng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước về tình hình sở hữu trái phiếu, tín phiếu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tình hình nắm giữ trái phiếu, tín phiếu trên tài khoản lưu ký của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 Thông tư này.

3. Chậm nhất vào lúc 11 giờ 30 của ngày chào giá cam kết chắc chắn, Sở Giao dịch chứng khoán có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, đồng gửi Kho bạc Nhà nước thông tin về việc chào giá của từng nhà tạo lập thị trường đối với từng mã trái phiếu chuẩn.

4. Hình thức báo cáo là thư điện tử hoặc văn bản theo yêu cầu của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ.

Điều 30. Công bố thông tin

1. Công bố thông tin về kết quả phát hành tín phiếu và thanh toán tín phiếu đến hạn

a) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về kết quả đấu thầu tín phiếu qua Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kết quả phát hành thêm tín phiếu ngay sau phiên đấu thầu (nếu có) trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán ngay trong ngày tổ chức phát hành, nội dung công bố thông tin gồm:

- Mã tín phiếu;
- Kỳ hạn;
- Ngày phát hành, ngày đáo hạn, ngày thanh toán tín phiếu;
- Khối lượng gọi thầu, khối lượng dự thầu, khối lượng trúng thầu, số tiền thanh toán tín phiếu trúng thầu; khối lượng đăng ký mua thêm, khối lượng phát hành thêm, số tiền thanh toán tín phiếu mua thêm;
- Lãi suất dự thầu thấp nhất, lãi suất dự thầu cao nhất, lãi suất phát hành;
- Số nhà tạo lập thị trường tham gia đấu thầu, tổng số phiếu đăng ký đấu thầu; số nhà tạo lập thị trường tham gia đăng ký mua thêm.

b) Đối với các tín phiếu được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về ngày thanh toán tín phiếu trong năm tiếp theo trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Thông tin công bố bao gồm:

- Mã tín phiếu thanh toán trong năm;
- Ngày thanh toán tín phiếu của từng mã tín phiếu;
- Ngày đăng ký cuối cùng trong năm của từng mã tín phiếu.

2. Công bố thông tin về kết quả phát hành trái phiếu, ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu

a) Sở Giao dịch chứng khoán và Kho bạc Nhà nước công bố thông tin về kết quả đấu thầu trái phiếu, bao gồm cả kết quả phát hành thêm trái phiếu ngay sau phiên đấu thầu (nếu có) trên trang tin điện tử ngay trong ngày tổ chức phát hành, nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Mã trái phiếu;
- Kỳ hạn;
- Ngày phát hành, ngày đáo hạn, ngày thanh toán gốc, lãi;
- Khối lượng gọi thầu, khối lượng dự thầu, khối lượng trúng thầu, số tiền thanh toán trái phiếu trúng thầu; khối lượng đăng ký mua thêm, khối lượng phát hành thêm, số tiền thanh toán trái phiếu mua thêm;
- Lãi suất dự thầu thấp nhất, lãi suất dự thầu cao nhất, lãi suất phát hành, lãi suất danh nghĩa;
- Số nhà tạo lập thị trường tham gia đấu thầu, tổng số phiếu đăng ký đấu thầu; số nhà tạo lập thị trường đăng ký mua thêm.

b) Đối với các trái phiếu được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong năm tiếp theo trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Thông tin công bố bao gồm:

- Mã trái phiếu thanh toán gốc, lãi trong năm;
- Ngày thanh toán gốc, lãi của từng mã trái phiếu;
- Ngày đăng ký cuối cùng trong năm của từng mã trái phiếu.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 31. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

1. Tổ chức phát hành và thanh toán tín phiếu, trái phiếu theo quy định tại Thông tư này.
2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo liên quan đến phát hành tín phiếu, trái

phiếu theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

3. Phối hợp với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

4. Xây dựng và thông báo kế hoạch, lịch biểu dự kiến phát hành trái phiếu theo quy định của Thông tư này.

5. Công bố danh sách trái phiếu chuẩn và thời điểm nhà tạo lập thị trường bắt đầu nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn đối với từng mã trái phiếu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

6. Thực hiện phát hành trái phiếu Chính phủ để đảm bảo thanh khoản theo quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện công tác đấu thầu tín phiếu, kiểm tra, giám sát việc tổ chức đấu thầu phát hành tín phiếu, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn quy trình thực hiện nghiệp vụ đấu thầu tín phiếu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Cung cấp thông tin dự thầu và kết quả đấu thầu phát hành tín phiếu cho Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư này.

4. Lưu giữ các tài liệu liên quan của từng phiên đấu thầu phát hành tín phiếu để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Giao dịch chứng khoán

1. Xây dựng quy chế và tổ chức đấu thầu phát hành trái phiếu theo quy định tại Thông tư này.

2. Cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến hoạt động đấu thầu phát hành tín phiếu, trái phiếu theo quy định tại Thông tư này và/hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Lưu giữ, bảo quản các thông tin liên quan đến các đợt đấu thầu phát hành trái phiếu theo chế độ quy định.

3. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Điều 34. Trách nhiệm của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Thực hiện đăng ký, lưu ký và hủy đăng ký, lưu ký tín phiếu, trái phiếu theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP và Thông tư này.
2. Đảm bảo thực hiện thanh toán lãi, gốc tín phiếu, trái phiếu phù hợp theo thời gian quy định tại Thông tư này.
3. Cung cấp cho Kho bạc Nhà nước các mã tín phiếu, trái phiếu dự kiến phát hành lần đầu để thông báo trên trang điện tử của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư này.
4. Cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến lĩnh vực quản lý theo quy định tại Thông tư này hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính (nếu có).
5. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Các thành viên đấu thầu thị trường trái phiếu Chính phủ được Bộ Tài chính lựa chọn trong năm 2018 tiếp tục được hưởng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước và công văn hướng dẫn nghĩa vụ thành viên đấu thầu của Bộ Tài chính đến hết ngày 31/12/2018.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
2. Thông tư này thay thế các văn bản hướng dẫn sau đây:
 - a) Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước;
 - b) Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-NHNN ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn phát hành tín phiếu qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - c) Chi phí đấu thầu tín phiếu trả Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Khoản 2 Điều 2, chi phí tổ chức phát hành, thanh toán gốc lãi trái phiếu Chính phủ trả Kho bạc Nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 3 và chi phí hoạt động bảo lãnh phát hành trả tổ chức bảo lãnh chính quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài

chính quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể. / *mu*

Nơi nhận: ✓

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương & các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ, BTC;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCNH.(4006)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG
Huỳnh Quang Hải

**Phụ lục 1. Mẫu thông báo kết quả đấu thầu tín phiếu của
Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

**SỞ GIAO DỊCH
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẤU THẦU TÍN PHIẾU

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước
- Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch chứng khoán

1. Căn cứ thông báo phát hành tín phiếu của Kho bạc Nhà nước số / ngày / / , ngày / / Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức đấu thầu phát hành tín phiếu gồm:

Mã tín phiếu	Kỳ hạn (tuần)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất phát hành	Khối lượng phát hành		
					Khối lượng phát hành tại phiên đấu thầu tín phiếu	Khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu	Tổng khối lượng phát hành
(*)							

2. Căn cứ vào đăng ký đấu thầu phát hành tín phiếu của các nhà đầu tư tham gia đấu thầu, kết quả phát hành tín phiếu như sau:

STT	Nhà tạo lập thị trường	Chủ sở hữu tín phiếu	Số TK tại ngân hàng thanh toán	Khối lượng trúng thầu (*)	Lãi suất trúng thầu	Giá tiền thanh toán mua tín phiếu	Số tài khoản lưu ký
..							
..							
..							

Chú thích:

(*) Thông báo kết quả đấu thầu đối với mỗi mã tín phiếu tại mỗi đợt phát hành tín phiếu.

(**) Khối lượng trúng thầu bao gồm khối lượng trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút sáng và khối lượng mua thêm ngay sau phiên đấu thầu

Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp thông tin để quý đơn vị biết, phối hợp thực hiện lưu ký và theo dõi, quản lý tín phiếu./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2. Mẫu hợp đồng bán tín phiếu trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG BÁN TÍN PHIẾU KHO BẠC TRỰC TIẾP
CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: .../HD

- Căn cứ Luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày .../.../ của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành trực tiếp tín phiếu kho bạc cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày .../.../ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc mua trực tiếp tín phiếu kho bạc.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Bộ Tài chính:

- Tên tổ chức phát hành: Bộ Tài chính
- Địa chỉ:
- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước)

- Tên tổ chức mua tín phiếu: Ngân hàng Nhà nước
- Địa chỉ:
- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng ký kết Hợp đồng mua bán tín phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện của tín phiếu:

1. Mã tín phiếu (nếu có):
2. Khối lượng tín phiếu:
3. Lãi suất tín phiếu:
4. Kỳ hạn tín phiếu:
5. Hình thức tín phiếu:
6. Giá bán tín phiếu:
7. Ngày phát hành tín phiếu:
8. Ngày thanh toán tiền mua tín phiếu:
9. Ngày đáo hạn tín phiếu:
10. Thông tin về tài khoản nhận tiền mua tín phiếu:
11. Thông tin về tài khoản nhận tiền thanh toán tín phiếu đáo hạn:
12. Thông tin về việc đăng ký, lưu ký niêm yết tín phiếu (nếu có):

Điều 2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chuyển tiền mua tín phiếu theo Hợp đồng vào tài khoản nhận tiền mua tín phiếu đầy đủ và đúng thời hạn.

Điều 3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính có trách nhiệm thanh toán tín phiếu đến hạn đầy đủ và đúng thời hạn.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BỘ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3. Mẫu thông báo kết quả đấu thầu trái phiếu
(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

**SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước
- Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ đề nghị phát hành trái phiếu của Kho bạc Nhà nước tại Thông báo số / / ngày / / , ngày / / Sở Giao dịch chứng khoán đã tổ chức đấu thầu phát hành trái phiếu gồm:

Mã trái phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu	Lãi suất danh nghĩa	Khối lượng phát hành		
						Khối lượng phát hành tại phiên đấu thầu trái phiếu	Khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu	Tổng khối lượng phát hành
(*)								

Căn cứ vào đăng ký đấu thầu phát hành trái phiếu của các nhà đầu tư tham gia đấu thầu trái phiếu, kết quả phát hành mã trái phiếu (*)..... như sau:

STT	Nhà tạo lập thị trường	Chủ sở hữu trái phiếu	Số TK tại ngân hàng thanh toán	Khối lượng trúng thầu (**)	Lãi suất trúng thầu	Giá tiền thanh toán mua trái phiếu
...						
...						
...						
Tổng cộng						

Chú thích:

(*) Thông báo kết quả đấu thầu đối với mỗi mã trái phiếu tại mỗi đợt phát hành trái phiếu.

(**) Khối lượng trúng thầu bao gồm cả khối lượng trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút sáng và khối lượng mua thêm ngay sau phiên đấu thầu.

Sở Giao dịch chứng khoán cung cấp thông tin để quý đơn vị biết, phối hợp thực hiện lưu ký trái phiếu, và theo dõi, quản lý trái phiếu./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 4. Xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu và phân bổ khối lượng trúng thầu khi phát hành theo phương thức đấu thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp Kho bạc Nhà nước gọi thầu với khối lượng là 1.000 tỷ đồng, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
1	A	5,15%	150	150	150	5,49%
2	A	5,20%	100	250	100	5,49%
3	A	5,25%	100	350	100	5,49%
4	B	5,35%	200	550	200	5,49%
5	D	5,35%	200	750	200	5,49%
6	D	5,40%	200	950	200	5,49%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	C	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	
12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
Tổng			2.900		1.000	

- Lãi suất trúng thầu bằng 5,49%/năm, là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên tham gia đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất thấp hơn 5,49%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dự còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các thành viên dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 5,49%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 5,49%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 5,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
1	A	5,15%	150	150	150	5,15%
2	A	5,20%	100	250	100	5,20%
3	A	5,25%	100	350	100	5,25%
4	B	5,35%	200	550	200	5,35%
5	D	5,35%	200	750	200	5,35%
6	D	5,40%	200	950	200	5,40%
7	B	5,49%	100	1.050	50	5,49%
8	B	5,50%	100	1.150	-	
9	c	5,50%	200	1.350	-	
10	D	5,50%	200	1.550	-	
11	F	5,50%	200	1.750	-	
12	C	5,60%	300	2.050	-	
13	D	5,60%	200	2.250	-	
14	D	5,70%	200	2.450	-	
15	E	5,70%	50	2.500	-	
16	B	6,00%	100	2.600	-	
17	G	6,00%	100	2.700	-	
18	H	6,20%	200	2.900	-	
Tổng			2.900		1.000	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất

do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 5,15%/năm đến 5,49%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất là 5,49%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50 tỷ đồng/100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 5,312%, cụ thể như sau:

$$\frac{150 \times 5,15\% + 100 \times 5,20\% + 100 \times 5,25\% + 200 \times 5,35\% + 50 \times 5,49\% + 200 \times 5,35\% + 200 \times 5,40\%}{1.000} = 5,312\%$$

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất phát hành trái phiếu áp dụng đối với các thành viên trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 5,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

2. Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất

Trường hợp KBNN gọi thầu là 1.000 tỷ đồng, khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
					(Tỷ đồng)	(%/năm)
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	5,49%
2	B		100	200	100	5,49%
3	D		100	300	100	5,49%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			300		300	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,20%	100	100	100	5,49%
2	A	5,30%	100	200	100	5,49%

3	B	5,35%	100	300	100	5,49%
4	D	5,45%	200	500	200	5,49%
5	C	5,47%	100	600	100	5,49%
6	B	5,49%	100	700	100	5,49%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	
9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	c	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			2.250		700	

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên tham gia đấu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định bằng 5,49%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 5,49%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 5,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
					(Tỷ đồng)	(%/năm)
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	5,38%
2	B		100	200	100	5,38%
3	D		100	300	100	5,38%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			300		300	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	5,20%	100	100	100	5,20%
2	A	5,25%	100	200	100	5,25%
3	B	5,35%	100	300	100	5,35%
4	D	5,45%	200	500	200	5,45%
5	B	5,50%	100	600	100	5,50%
6	C	5,50%	100	700	100	5,50%
7	B	5,55%	100	800	-	
8	D	5,55%	200	1.000	-	
9	F	5,55%	200	1.200	-	
10	C	5,60%	300	1.500	-	
11	D	5,60%	200	1.700	-	
12	D	5,70%	200	1.900	-	
13	E	5,70%	50	1.950	-	
14	G	6,00%	100	2.050	-	
15	H	6,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			2.250		700	

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên tham gia đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất

trúng thầu được xác định từ 5,20%/năm đến 5,50%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$\frac{100 \times 5,20\% + 100 \times 5,25\% + 100 \times 5,35\% + 200 \times 5,45\% + 100 \times 5,50\% + 100 \times 5,50\%}{700} = 5,386\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 5,386% này thấp hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định là 5,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 5,38%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu áp dụng đối với các thành viên trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 5,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

Phụ lục 5. Ví dụ về cách xác định tiền lãi của một (01) trái phiếu đối với kỳ trả lãi đầu tiên trong trường hợp kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Thông tin về trái phiếu:

- Mã trái phiếu: TD1619439
- Giá trị niêm yết của mã trái phiếu: 3.723.000.000.000 đồng
- Khối lượng niêm yết của mã trái phiếu: 37.230.000 trái phiếu
- Ngày phát hành trái phiếu (ngày thanh toán tiền mua): 21/4/2016
- Ngày đáo hạn: 19/5/2019
- Lãi suất danh nghĩa: 5,7%/năm
- Ngày thanh toán lãi lần đầu: 19/5/2017
- Ngày thanh toán lãi thông thường theo giả định: 19/5/2016

2. Cách xác định số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giả định khi việc thanh toán xảy ra (ngày E)

- Theo công thức tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 111/2018/TT-BTC, tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên (từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu đến ngày trả lãi đầu tiên), gồm hai phần:

+ Phần thứ nhất: tiền lãi trái phiếu trả cho khoảng thời gian từ ngày trả lãi giả định đến ngày trả lãi đầu tiên (01 năm). Ngày trả lãi đầu tiên của trái phiếu TD1619439 là ngày 19/5/2017, do vậy ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định là ngày 19/5/2016.

+ Phần thứ hai: tiền lãi trái phiếu trả cho khoảng thời gian từ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định được tính từ ngày 21/04/2016 đến ngày 19/5/2016 (ngày a2 theo công thức tại Khoản 3, Điều 12 Thông tư số 111/2018/TT-BTC). Phần tiền lãi thứ hai được tính dựa trên tỷ lệ giữa số ngày a2 so với số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giả định (E), do đó số ngày trong kỳ trả lãi giả định sẽ tính từ ngày 19/5/2015 đến ngày 19/5/2016.

- Do đó, số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giả định (E) là 366 ngày (tính từ 19/5/2015 – 19/5/2016).

- Tiền lãi của 01 trái phiếu kỳ trả lãi đầu tiên (dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo) sẽ là:

$$\begin{aligned}
 GL_1 &= MG \times \frac{L_c}{k} \times \left(1 + \frac{a^2}{E}\right) \\
 &= 100.000 \times \frac{5,7\%}{1} \times \left(1 + \frac{28}{366}\right) \\
 &= 6.136,065 \text{ đồng.}
 \end{aligned}$$

Như vậy, tiền lãi của 01 trái phiếu được làm tròn xuống đơn vị đồng là: 6.136 đồng

- Tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên (dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo) sẽ là: 6.136 đồng x 37.230.000 trái phiếu = 228.443.280.000 đồng.

Phụ lục 6. Mẫu đơn đăng ký trở thành tổ chức bảo lãnh chính
(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ TRỞ
THÀNH TỔ CHỨC BẢO
LÃNH CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng.... năm.....

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Căn cứ Thông báo số ngày của Kho bạc Nhà nước về việc bảo lãnh phát hành trái phiếu đợt năm,(tên tổ chức đăng ký) đăng ký làm tổ chức bảo lãnh chính của đợt phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh đợt năm, cụ thể:

I. Giới thiệu về tổ chức:

1. Tên đầy đủ của tổ chức:
2. Tên và mã giao dịch:
3. Vốn pháp định theo quy định:
4. Vốn điều lệ thực góp:
5. Vốn chủ sở hữu: (theo báo cáo tài chính ngàyđược kiểm toán bởi Công ty)
6. Trụ sở chính:
7. Điện thoại: Fax:
8. Nơi mở tài khoản:
- Số hiệu tài khoản:
9. Giấy phép kinh doanh số do (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) cấp ngày.....
10. Người đại diện hợp pháp (họ tên, chức vụ, mẫu chữ ký)
- 10.1. Họ và tên:
- 10.2. Chức vụ:
- 10.3. Mẫu chữ ký:

II. Về khả năng đáp ứng điều kiện làm tổ chức bảo lãnh chính:

Chúng tôi nhận thấy chúng tôi đủ điều kiện để trở thành tổ chức bảo lãnh chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh chứng khoán theo giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày .../.../...;
2. Đã thực hiện ... đợt bảo lãnh phát hành chứng khoán trong thời gian từ... đến..., với tổng khối lượng là...;
3. Đã xây dựng phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu theo thông báo số ... ngày.../.../... của Kho bạc Nhà nước.

III. Hồ sơ gửi kèm

1. Bản sao có công chứng giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày .../.../....
2. Văn bản, tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện bảo lãnh chứng khoán của tổ chức.
3. Báo cáo tài chính 2 năm liền kề trước năm tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu.
4. Phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu theo thông báo của Kho bạc Nhà nước đợt năm
5. Các tài liệu khác (nếu có).

IV. Cam kết:

(Tên tổ chức) xin cam kết: chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ TRỞ THÀNH
TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH**

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 7. Hợp đồng nguyên tắc bảo lãnh phát hành trái phiếu
(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
Số:.../HDBL

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước;

- Căn cứ Thông báo số... ngày... của Kho bạc Nhà nước thông báo về việc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu đợt.../năm...

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan phát hành trái phiếu (dưới đây gọi là Bên phát hành)

- Tên tổ chức phát hành:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính

1. Tổ chức bảo lãnh chính thứ nhất

- Tên tổ chức bảo lãnh chính:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

2. Tổ chức bảo lãnh chính thứ hai

- Tên tổ chức bảo lãnh chính:
- Địa chỉ:
- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...
- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

3. Tổ chức bảo lãnh chính thứ ba

- Tên tổ chức bảo lãnh chính:
- Địa chỉ:
- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...
- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

4.

Sau khi thống nhất, Bên phát hành và tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính cùng nhau ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện dự kiến của trái phiếu

1. Mệnh giá trái phiếu:
2. Kỳ hạn trái phiếu:
3. Phương thức thanh toán gốc, lãi:
4. Đồng tiền phát hành, thanh toán:

Điều 2. Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính lựa chọn thành viên của tổ hợp bảo lãnh/đồng bảo lãnh, báo cáo Bên phát hành trong vòng... ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực.

Điều 3. Các cam kết khác...

Điều 4. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập ... bản có giá trị như nhau, Bên phát hành và bên bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN PHÁT HÀNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ NHẤT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ HAI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ BA
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 8. Mẫu thông báo danh sách tổ hợp bảo lãnh,
biên bản thỏa thuận và hợp đồng bảo lãnh**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Thông báo danh sách tổ hợp bảo lãnh

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐĂNG KÝ
TỔ HỢP BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

1. Tên tổ chức bảo lãnh chính:
2. Địa chỉ:
3. Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...
4. Người đại diện theo pháp luật: ...(Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Đối với phiên bảo lãnh phát hành ngày.... tháng... năm... theo thông báo của Kho bạc Nhà nước tại văn bản số..... ngày.... tháng... năm..., [tên tổ chức bảo lãnh chính] đăng ký thành viên tổ hợp bảo lãnh bao gồm các tổ chức sau:

- (1)
- (2)
- (3)

[Tên tổ chức bảo lãnh chính] cam kết sẽ đảm bảo tiền mua trái phiếu của tổ hợp bảo lãnh được thanh toán vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước theo hợp đồng bảo lãnh trái phiếu.

Trường hợp chậm thanh toán, [tên tổ chức bảo lãnh chính] sẽ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán quy định tại Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018, và trái phiếu sẽ chỉ được lưu ký và niêm yết sau khi đã thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu và tiền lãi chậm thanh toán.

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH
Đại diện tổ chức bảo lãnh chính
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mục 2. Biên bản thỏa thuận của các tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp bảo lãnh
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[Tên của tổ chức bảo lãnh chính]

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

...., ngày.... tháng... năm....

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC, ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Tổ chức bảo lãnh chính

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:...

Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp bảo lãnh

- Tên tổ chức bảo lãnh 1:

+ Địa chỉ:

+ Tài khoản ngân hàng số:...

Tại:...

+ Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

- Tên tổ chức bảo lãnh 2:

+ Địa chỉ:

+ Tài khoản ngân hàng số:...

Tại:...

+ Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

- ...

Sau khi thống nhất, các bên cùng nhau ký kết thỏa thuận của tổ hợp bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Chúng tôi đồng ý để [Tên của Tổ chức bảo lãnh chính] phân bổ

khối lượng trái phiếu trong tổ hợp bảo lãnh và đại diện đàm phán với Kho bạc Nhà nước về mức lãi suất trái phiếu, khối lượng trái phiếu cam kết mua đối với đợt bảo lãnh phát hành theo thông báo số..... ngày.....

Điều 2. Chậm nhất 11 giờ 30 phút ngày thanh toán tiền mua trái phiếu theo thông báo của Kho bạc Nhà nước, tổ chức bảo lãnh cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua trái phiếu của tổ hợp bảo lãnh vào tài khoản chỉ định của Kho bạc Nhà nước (hoặc thanh toán qua tổ chức bảo lãnh chính tùy theo thỏa thuận giữa tổ chức bảo lãnh chính và các tổ chức bảo lãnh, đảm bảo toàn bộ số tiền mua trái phiếu được thanh toán vào tài khoản chỉ định của Kho bạc Nhà nước).

Điều 3. Trường hợp tổ chức bảo lãnh chậm thanh toán tiền mua trái phiếu theo thông báo của tổ chức bảo lãnh chính, tổ chức bảo lãnh chính được quyền yêu cầu tổ chức bảo lãnh nộp tiền lãi chậm thanh toán. Tiền lãi chậm thanh toán được xác định bằng... (do các bên thỏa thuận cụ thể).

Điều 4. Tổ chức bảo lãnh chính có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về tổ chức/người đăng ký mua trái phiếu cho Kho bạc Nhà nước vào ngày thanh toán tiền mua trái phiếu.

Điều 5. Các cam kết khác ...

Điều 6. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành từ ngày.../.../...

- Hợp đồng này kết thúc khi:

a) Kho bạc Nhà nước thông báo đợt bảo lãnh phát hành không thành công;

b) Tổ chức bảo lãnh chính và các tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan, và trái phiếu đã được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vào tài khoản tương ứng của các bên có liên quan.

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH

Đại diện tổ chức bảo lãnh chính

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH 1

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH 2

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mục 3. Biên bản thỏa thuận của tổ chức bảo lãnh chính và tổ chức đồng bảo lãnh chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

....., ngày..... tháng..... năm.....

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC, ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Tổ chức bảo lãnh chính thứ nhất

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh chính thứ hai

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

III. Tổ chức bảo lãnh chính thứ ba

...

Sau khi thống nhất, các bên cùng nhau ký kết thỏa thuận giữa các tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các bên thống nhất phân bổ trái phiếu theo danh sách mua trái phiếu của nhà đầu tư kèm theo thỏa thuận này để làm căn cứ đàm phán với Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Các bên cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức bảo lãnh chính

theo Biên bản được ký giữa các tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính với thành viên của tổ hợp bảo lãnh.

Điều 3. Tổ chức bảo lãnh chính/ đồng bảo lãnh chính có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về tổ chức/người đăng ký mua trái phiếu cho Kho bạc Nhà nước vào ngày thanh toán tiền mua trái phiếu.

Điều 4. Các cam kết khác ...

Điều 5. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành từ ngày.../.../...

- Hợp đồng này kết thúc khi:

a) Kho bạc Nhà nước thông báo đợt bảo lãnh phát hành không thành công;

b) Các tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan, và trái phiếu đã được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vào tài khoản tương ứng của các bên có liên quan.

**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ NHẤT**

Đại diện tổ chức bảo lãnh chính
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ HAI**

Đại diện tổ chức bảo lãnh chính
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mục 4. Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Số:.../HĐBL

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước;

- Căn cứ Đơn đăng ký của tổ chức bảo lãnh chính và Biên bản thỏa thuận của tổ hợp bảo lãnh.

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại...

Chúng tôi gồm:

I. Tổ chức phát hành trái phiếu (dưới đây gọi là Bên phát hành)

- Tên tổ chức phát hành:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính

1. Tổ chức bảo lãnh chính thứ nhất

- Tên tổ chức bảo lãnh chính

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

2. Tổ chức bảo lãnh chính thứ hai

- Tên tổ chức bảo lãnh chính

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:.... Tại:....

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

3. Tổ chức bảo lãnh chính thứ ba

Sau khi thống nhất, tổ chức phát hành và tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính cùng nhau ký kết Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện của trái phiếu

1. Mã trái phiếu:
2. Mệnh giá trái phiếu:
3. Kỳ hạn trái phiếu:
4. Ngày phát hành trái phiếu:
5. Ngày đáo hạn trái phiếu:
6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:
7. Lãi suất phát hành trái phiếu:
8. Khối lượng trái phiếu nhận bảo lãnh:
9. Phương thức thanh toán gốc, lãi:
10. Giá bán trái phiếu:

Điều 2. Phân phối trái phiếu

Tên tổ chức bảo lãnh chính	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng đăng ký
Tổ chức bảo lãnh chính thứ nhất: 1. Tổ chức bảo lãnh thứ nhất 2. Tổ chức bảo lãnh thứ hai					
Tổ chức bảo lãnh chính thứ hai: 1. Tổ chức bảo lãnh thứ nhất 2. Tổ chức bảo lãnh thứ hai					
Tổ chức bảo lãnh chính thứ ba: 1. Tổ chức bảo lãnh thứ nhất 2. Tổ chức bảo lãnh thứ hai					
...					

Điều 3. Thanh toán tiền mua trái phiếu

1. Thời gian thanh toán tiền mua trái phiếu là trước 11 giờ 30 phút ngày

◆◆◆◆◆

2. Tài khoản thanh toán tiền mua trái phiếu là

+ Số tài khoản:

+ Tên chủ tài khoản:

+ Nơi mở tài khoản:

Điều 4. Phí bảo lãnh

Tổ chức phát hành và tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính thống nhất mức phí bảo lãnh phát hành là....% (đảm bảo không vượt quá mức phí bảo lãnh phát hành theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Thông tư số 111/2018/TT-BTC)

Điều 5. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính

1. Quyền lợi:

a) Là đại diện hợp pháp duy nhất về quyền lợi và nghĩa vụ của tổ hợp bảo lãnh để đàm phán và thống nhất với Kho bạc Nhà nước về đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu;

b) Được quyền phân phối trái phiếu của đợt bảo lãnh phát hành theo hợp đồng bảo lãnh ký kết với Kho bạc Nhà nước;

c) Được hưởng phí bảo lãnh theo Điều 4 của Hợp đồng này;

d) Được quyết định mức phí bảo lãnh trả cho các thành viên trong tổ hợp bảo lãnh.

2. Nghĩa vụ:

a) Có trách nhiệm phân phối hết khối lượng trái phiếu trong thời gian quy định tại hợp đồng bảo lãnh ký kết với Kho bạc Nhà nước. Trường hợp khối lượng trái phiếu không được phân phối hết cho nhà đầu tư, tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính có trách nhiệm mua toàn bộ khối lượng trái phiếu còn lại;

b) Chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày thanh toán tiền mua trái phiếu do Kho bạc Nhà nước thông báo, tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính phải đảm bảo toàn bộ tiền mua trái phiếu (bao gồm cả tiền mua trái phiếu của thành viên tổ hợp bảo lãnh và khách hàng của tổ hợp bảo lãnh) đã được thanh toán và ghi có vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định. Đối với trường hợp thành viên tổ hợp bảo lãnh, khách hàng không thực hiện thanh toán tiền mua trái phiếu thì tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu;

c) Tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh chính phải đảm bảo ghi đầy đủ

thông tin trên lệnh chuyển tiền theo yêu cầu của Kho bạc Nhà nước;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác quy định tại hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng bảo lãnh ký với Kho bạc Nhà nước;

đ) Báo cáo Kho bạc Nhà nước về tình hình phân phối trái phiếu thực tế trong ngày thanh toán tiền mua trái phiếu.

Điều 6. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức phát hành

1. Thanh toán phí bảo lãnh phát hành trái phiếu cho tổ chức bảo lãnh chính trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc đợt phát hành trái phiếu.

2. Theo dõi thanh toán tiền mua trái phiếu của tổ chức bảo lãnh chính, thành viên tổ hợp bảo lãnh và khách hàng của tổ hợp bảo lãnh để thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán, đảm bảo việc đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính.

3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn cho các chủ sở hữu trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Các cam kết khác...

Điều 7. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành cho đến khi hoàn thành tất cả các giai đoạn: thanh toán tiền mua trái phiếu, đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu của đợt phát hành trái phiếu.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN PHÁT HÀNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ NHẤT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ HAI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH
CHÍNH THỨ BA
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 9. Hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản cho nhà tạo lập thị trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Mục 1. Hợp đồng nguyên tắc

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐẢM BẢO
THANH KHOẢN CHO NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG**

Số:...../HĐNT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước;

Bên A: Kho bạc Nhà nước, người đại diện là ông/bà:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VNĐ số:..... tại.....

Bên B: ...(tên nhà tạo lập thị trường), người đại diện là ông/bà:...

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VNĐ số:..... tại.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các Điều Khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Hợp đồng này là Hợp đồng nguyên tắc, áp dụng đối với việc phát hành

trái phiếu để đảm bảo thanh khoản theo quy định tại Thông tư hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước, giữa Bên A và Bên B.

Điều 2. Thỏa thuận của các bên

Hai bên ký Hợp đồng này thỏa thuận:

1. Tuân thủ các Điều khoản và Điều kiện của Hợp đồng này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Người đại diện cho mỗi bên ký kết Hợp đồng này là đại diện hợp pháp của mỗi bên.

3. Bên A chỉ phát hành trái phiếu để hỗ trợ thanh khoản khi bên B đáp ứng được các điều kiện để hỗ trợ thanh khoản theo quy định và bên A còn hạn mức phát hành trái phiếu trong năm.

4. Bên B có tất cả các quyền và lợi ích đối với trái phiếu do bên A phát hành để đảm bảo thanh khoản, được sử dụng trái phiếu này để giao dịch trên thị trường thứ cấp.

5. Trường hợp Bên B không hoàn trả trái phiếu, Bên A được phép giữ tiền ký quỹ và thực hiện tất toán hợp đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 111/2018/TT-BTC.

6. Các khoản thanh toán giữa hai bên được thực hiện bằng đồng Việt Nam và được chuyển vào tài khoản của từng bên theo Hợp đồng này. Việc phát hành, tất toán hợp đồng phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 111/2018/TT-BTC, Hợp đồng này và Hợp đồng chi tiết ký giữa bên A và bên B.

Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này tự động chấm dứt hiệu lực khi Bên B chấm dứt tư cách là nhà tạo lập thị trường.

Điều 4. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo quy định của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ, Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nội dung cơ bản của Hợp đồng chi tiết

Kho bạc nhà nước và (tên nhà tạo lập thị trường) ký Hợp đồng chi tiết phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản đối với từng lần phát hành. Hợp đồng chi tiết bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tổ chức phát hành (Kho bạc Nhà nước);

- b) Nhà tạo lập thị trường yêu cầu hỗ trợ thanh khoản;
- c) Thông tin về trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản: mã trái phiếu, kỳ hạn, ngày phát hành, ngày đáo hạn;
- d) Khối lượng trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản;
- đ) Thời hạn phát hành để đảm bảo thanh khoản (tính từ ngày Kho bạc Nhà nước phát hành trái phiếu đảm bảo thanh khoản cho đến ngày đáo hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản)
- e) Giá trái phiếu;
- g) Tỷ lệ phòng ngừa rủi ro;
- h) Số tiền ký quỹ;
- i) Chi phí thực hiện hợp đồng;
- k) Ngày phát hành trái phiếu đảm bảo thanh khoản;
- l) Ngày đáo hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản;
- m) Số tiền nhà tạo lập thị trường nhận lại từ Kho bạc Nhà nước khi đã hoàn trả trái phiếu;
- n) Tài khoản nhận tiền ký quỹ của Kho bạc Nhà nước;
- o) Tài khoản nhận lại tiền ký quỹ của nhà tạo lập thị trường;
- p) Tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà tạo lập thị trường.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mục 2. Công văn đề nghị Kho bạc Nhà nước hỗ trợ thanh khoản

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THANH KHOẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

1. Tại phiên giao dịch ngày.../.../..., ...(tên nhà tạo lập thị trường đề nghị hỗ trợ thanh khoản) thực hiện nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn với các thông tin cụ thể như sau:

- Khối lượng chào giá:
- Giá chào bán cam kết chắc chắn:
- Lãi suất chào bán cam kết chắc chắn:

2. Do không có đủ trái phiếu để chuyển giao cho bên mua, ...(tên nhà tạo lập thị trường đề nghị hỗ trợ thanh khoản) đề nghị Kho bạc Nhà nước phát hành trái phiếu để hỗ trợ thanh khoản với các nội dung sau:

- Khối lượng đề nghị: (không vượt quá khối lượng chào giá tối thiểu trong một phiên chào giá cam kết chắc chắn);
 - Ngày phát hành để đảm bảo thanh khoản:
 - Thời hạn phát hành để đảm bảo thanh khoản:
 - Ngày đáo hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản;
- Đề nghị Kho bạc Nhà nước xem xét, hỗ trợ./.

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THANH KHOẢN

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mục 3. Hợp đồng chi tiết**HỢP ĐỒNG CHI TIẾT**

Số:..../HDCT

Hợp đồng chi tiết này được lập vào ngày.... tháng.... năm giữa:**Bên A:** Kho bạc Nhà nước, người đại diện là ông/bà:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... FAX:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Bên B: ...(tên nhà tạo lập thị trường), người đại diện là ông/bà:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... FAX:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Căn cứ quy định của Hợp đồng nguyên tắc phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản số... ngày... tháng... năm... (Hợp đồng nguyên tắc), hai bên thỏa thuận, thống nhất ký kết Hợp đồng chi tiết với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Điều kiện, điều khoản hợp đồng

- Căn cứ yêu cầu phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản ngày của(Bên B),(Bên A) đồng ý phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản cho(Bên B) với các điều kiện, điều khoản như sau:

STT	Điều kiện, điều khoản	Giá trị
(1)	Mã trái phiếu (kỳ hạn, ngày phát hành, ngày đáo hạn)	
(2)	Khối lượng trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản (đồng)	
(3)	Giá trái phiếu (đồng)	
(4)	Thời hạn phát hành để đảm bảo thanh khoản (ngày)	
(5)	Tỷ lệ phòng ngừa rủi ro (%)	
(6)	Số tiền ký quỹ (đồng)	
(7)	Lãi suất tài chiết khấu áp dụng (%) / Chi phí thực hiện hợp đồng ((đồng)/ số tiền nhận lại từ KBNN (đồng))	
(8)	Ngày phát hành để đảm bảo thanh khoản	
(9)	Ngày đáo hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản	
(10)	Tài khoản nhận tiền ký quỹ của Bên A	
(11)	Tài khoản nhận trái phiếu của Bên B	
(12)	Số tiền Bên B nhận lại từ Bên A khi đã hoàn trả trái phiếu	

(13)	Tài khoản nhận lại tiền ký quỹ của Bên B	
------	--	--

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để làm thủ tục lưu ký trái phiếu cho Bên B, đồng thời Bên B có trách nhiệm chuyển tiền ký quỹ cho Bên A vào ngày..... (ngày phát hành để đảm bảo thanh khoản).

- Bên A cam kết trả lại tiền ký quỹ với giá trị là..... (số tiền) vào ngày hết hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản. Bên B có trách nhiệm chuyển lại toàn bộ trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản cho Bên A vào ngày đáo hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản

Điều 2. Hợp đồng chi tiết là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc. Hợp đồng chi tiết có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi bên B hoàn thành đầy đủ các cam kết theo Điều 1 của Hợp đồng này.

Hợp đồng chi tiết cùng với Hợp đồng nguyên tắc tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa hai bên.

Hợp đồng chi tiết được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mục 4. Công văn đề nghị gia hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ GIA HẠN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

1. Ngày .../.../..., Kho bạc Nhà nước đã phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản cho ...(tên nhà tạo lập thị trường đề nghị gia hạn) với các nội dung sau:

- Khối lượng phát hành:
- Ngày phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản lần đầu:
- Thời hạn phát hành trái phiếu đảm bảo thanh khoản:
- Ngày đáo hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản:
- Giá trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản:
- Chi phí thực hiện hợp đồng:
- Số tiền ký quỹ:

2. Do không có đủ trái phiếu tại ngày đáo hạn Hợp đồng chi tiết số .../HĐCT ngày.../.../..., đề nghị Kho bạc Nhà nước xem xét cho phép ...(tên nhà tạo lập thị trường đề nghị hỗ trợ thanh khoản) gia hạn Hợp đồng chi tiết thêm ... ngày và ngày đáo hạn hợp đồng là ngày...../.

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG ĐỀ
NGHỊ GIA HẠN

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mục 5: Hợp đồng gia hạn

HỢP ĐỒNG GIA HẠN

Số:..../HĐGH

Hợp đồng gia hạn này được lập vào ngày.... tháng.... năm giữa:

Bên A: Kho bạc Nhà nước, người đại diện là ông/bà:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... FAX:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Bên B: ...(tên nhà tạo lập thị trường), người đại diện là ông/bà:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... FAX:..... E-mail:.....

Tài Khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Căn cứ vào quy định của Hợp đồng nguyên tắc phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản số... ngày... tháng... năm... (Hợp đồng nguyên tắc) và Hợp đồng chi tiết số... ngày... tháng... năm... (Hợp đồng chi tiết), hai bên thỏa thuận, thống nhất ký kết Hợp đồng gia hạn với các điều khoản gia hạn như sau:

Điều 1. Điều kiện điều khoản gia hạn hợp đồng

- Căn cứ yêu cầu gia hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản ngày của Bên B, Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản cho Bên B với chi phí thực hiện hợp đồng gia hạn là..... (số tiền ghi theo giá thanh toán) trong.... ngày và ngày đáo hạn hợp đồng gia hạn là ngày.....

- Bên A cam kết trả lại tiền ký quỹ với giá trị là..... (số tiền) vào ngày đáo hạn hợp đồng. Bên B có trách nhiệm chuyển lại toàn bộ trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản cho Bên A.

Điều 2. Hợp đồng gia hạn này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc và Hợp đồng chi tiết. Hợp đồng gia hạn này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi thành viên hoàn thành đầy đủ các cam kết ở Điều 1 của Hợp đồng này.

Hợp đồng gia hạn này cùng với Hợp đồng chi tiết và Hợp đồng nguyên tắc tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa hai bên.

Hợp đồng gia hạn này được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 10. Nghiệp vụ hỗ trợ nhà tạo lập thị trường thực hiện chào giá

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

Trường hợp nhà tạo lập thị trường phải bán một mã trái phiếu để thực hiện nghĩa vụ chào giá cam kết chắc chắn nhưng không có đủ trái phiếu Chính phủ, nhà tạo lập thị trường sẽ đề nghị Kho bạc Nhà nước hỗ trợ, ví dụ cụ thể như sau:

1. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu

- Mã trái phiếu: TD1722381, khối lượng: 5.750 tỷ đồng
- Ngày phát hành: 08/06/2017; ngày đáo hạn: 08/06/2022
- Lãi suất danh nghĩa: 5%
- Hình thức phát hành: đấu thầu
- Đình kỳ trả lãi: 12 tháng

2. Thực hiện nghĩa vụ chào giá

Ngày 22/01/2018, Ngân hàng A (nhà tạo lập thị trường được Bộ Tài chính lựa chọn) thực hiện nghĩa vụ cam kết chào bán mã trái phiếu TD1722381 với thông tin như sau:

- Khối lượng chào bán: 50 tỷ đồng – tương đương 500.000 trái phiếu
- Kỳ hạn còn lại của mã TD1722381: 4 năm 4,53 tháng
- Giá chào bán 1 trái phiếu: 108.162 đồng
- Giá chào bán cả lô trái phiếu: $108.162 \times 500.000 = 54,081$ tỷ đồng

3. Quy trình hỗ trợ nhà tạo lập thị trường

(1) Do không vay/mua được mã TD1722381 từ các nhà tạo lập thị trường, Ngân hàng A đề nghị Kho bạc Nhà nước hỗ trợ thanh khoản đối với mã trái phiếu này với khối lượng 50 tỷ đồng.

(2) Kho bạc Nhà nước kiểm tra hạn mức phát hành mã trái phiếu được Bộ Tài chính phê duyệt trong năm và rà soát các điều kiện để phát hành trái phiếu để đảm bảo thanh khoản cho thị trường. Nếu còn hạn mức và các điều kiện phát hành đều được đáp ứng, ngày 22/01/2018, Kho bạc Nhà nước ký hợp đồng chi tiết phát hành để đảm bảo thanh khoản cho nhà tạo lập thị trường và thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán để đăng ký, niêm yết bổ sung.

(3) Ngày 23/01/2018, sau khi nhận được tiền ký quỹ, Kho bạc Nhà nước thông báo cho Trung tâm lưu ký chứng khoán để lưu ký khối lượng 50 tỷ đồng (500.000 trái phiếu) đối với mã trái phiếu TD1722381 theo yêu cầu của nhà tạo

lập thị trường, cụ thể như sau:

- Khối lượng trái phiếu: 50 tỷ đồng
- Mã trái phiếu: TD1722381
- Giá phát hành:

+ Giá trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản là mức giá cao hơn của một trong hai mức giá sau:

(i) Giá trái phiếu phát hành tại thời điểm gần nhất trên thị trường sơ cấp trong vòng 10 ngày làm việc trước ngày ký hợp đồng hỗ trợ thanh khoản có kỳ hạn tương đương với loại trái phiếu đề nghị hỗ trợ thanh khoản. Trái phiếu có kỳ hạn tương đương là trái phiếu có kỳ hạn còn lại ngắn hơn hoặc dài hơn 3 tháng so với kỳ hạn còn lại của trái phiếu đề nghị hỗ trợ thanh khoản.

(ii) Giá chào bán với cam kết chắc chắn cao nhất của mã trái phiếu đề nghị hỗ trợ thanh khoản trong cùng phiên giao dịch.

+ Giả sử mức giá chào bán với cam kết chắc chắn của Ngân hàng A (nhà tạo lập thị trường được Bộ Tài chính lựa chọn) là mức chào bán với cam kết chắc chắn cao nhất trong phiên giao dịch (và cao hơn giá trái phiếu phát hành gần nhất trên thị trường sơ cấp trong vòng 10 ngày làm việc trước ngày ký hợp đồng hỗ trợ thanh khoản có kỳ hạn tương đương), thì giá phát hành là 54,081 tỷ đồng.

- Thời hạn phát hành để đảm bảo thanh khoản: 2 ngày, đáo hạn vào ngày 25/01/2018.

- Tỷ lệ phòng vệ rủi ro: 5%

- Tiền ký quỹ được tính như sau:

$$\text{Tiền ký quỹ} = 54,081 + 54,081 \times 5\% = 56,78505 \text{ tỷ đồng};$$

- Lãi suất để tính chi phí thực hiện hợp đồng: 4,25%

- Chi phí thực hiện hợp đồng được tính như sau:

$$\begin{aligned} P &= L_{\text{tick}} \times GG \times M \times n/365 \\ &= 4,25\% \times 108.162 \times 500.000 \times 2 / 365 \\ &= 12,594 \text{ triệu đồng} \end{aligned}$$

- Giá trị Kho bạc Nhà nước hoàn trả cho Nhà tạo lập thị trường được tính như sau = 56.785,05 triệu đồng - 12,594 triệu đồng = 56.772,455 triệu đồng = 56,772455 tỷ đồng.

(4) Tắt toán hoặc gia hạn hợp đồng

- Tắt toán hợp đồng

+ Tại ngày 25/01/2018, khi hợp đồng chỉ tiết đáo hạn, Ngân hàng A hoàn trả công cụ nợ Chính phủ TD1722381 với khối lượng là 500.000 trái phiếu (50 tỷ đồng); Kho bạc Nhà nước chuyển lại Ngân hàng A 56,772455 tỷ đồng tiền ký quỹ.

+ Sau khi nhận lại công cụ nợ Chính phủ, Kho bạc Nhà nước đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán hủy khối lượng đã phát hành bổ sung 500.000 trái phiếu của mã TD1722381 và hạch toán 12,594 triệu đồng vào thu ngân sách nhà nước, chuyển trả tiền cho Ngân hàng A.

+ Trường hợp hết thời hạn hợp đồng chỉ tiết (ngày 25/01/2018) mà Ngân hàng A không hoàn trả được trái phiếu, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục tắt toán hợp đồng và chuyển toàn bộ tiền ký quỹ 56.785,05 triệu đồng thành khoản phát hành trái phiếu cho ngân sách Nhà nước và hạch toán theo quy định.

- Gia hạn hợp đồng

+ Tại ngày 24/01/2018, 01 ngày trước khi hợp đồng chỉ tiết đáo hạn, Ngân hàng A đề nghị Kho bạc Nhà nước gia hạn hợp đồng hỗ trợ thanh khoản thêm 03 ngày (đáo hạn ngày 28/01/2018) và được Kho bạc Nhà nước chấp thuận. Ngân hàng A và Kho bạc Nhà nước ký hợp đồng gia hạn để gia hạn hỗ trợ thanh khoản.

(i) Giá trái phiếu phát hành để đảm bảo thanh khoản được giữ nguyên như hợp đồng chỉ tiết đã ký trước đó.

(ii) Chi phí thực hiện hợp đồng gia hạn được tính như sau:

$$\begin{aligned} P &= L_{\text{tck}} \times GG \times M \times n/365 \\ &= 4,25\% \times 108.162 \times 500.000 \times 3 / 365 \\ &= 18,891 \text{ triệu đồng} \end{aligned}$$

(iii) Giá trị Kho bạc Nhà nước hoàn trả cho Nhà tạo lập thị trường được tính như sau:

Giá trị Kho bạc Nhà nước hoàn trả cho Nhà tạo lập thị trường được tính như sau = 56.785,05 triệu đồng – 12,594 triệu đồng – 18,891 triệu đồng = 56.753,565 triệu đồng = 56,753565 tỷ đồng

+ Tại ngày 28/01/2018, khi hợp đồng gia hạn đáo hạn, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam hủy lưu ký trái phiếu TD1722381 với khối lượng là

500.000 trái phiếu trong tài khoản lưu ký của Ngân hàng A;

+ Sau khi nhận được thông báo hủy lưu ký trái phiếu từ Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Kho bạc Nhà nước hủy khối lượng đã phát hành bổ sung 500.000 trái phiếu của mã TD1722381 và hạch toán 31,485 triệu đồng vào thu ngân sách Nhà nước.

+ Kho bạc Nhà nước chuyển lại Ngân hàng A 56,753565 tỷ đồng tiền ký quỹ.

+ Trường hợp hết thời hạn hợp đồng gia hạn (ngày 28/01/2018) mà Ngân hàng A không có đủ trái phiếu để hoàn trả, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục tắt toán hợp đồng và chuyển toàn bộ tiền ký quỹ thành khoản phát hành trái phiếu cho ngân sách Nhà nước và hạch toán theo quy định.

Phụ lục 11. Mẫu công bố thông tin về tình hình sở hữu trái phiếu Chính phủ của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018)

1. Công bố thông tin tỷ lệ nắm giữ trái phiếu Chính phủ của nhà đầu tư

**TRUNG TÂM LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

*V/v Công bố thông tin tỷ lệ
nắm giữ trái phiếu Chính
phủ của Nhà đầu tư*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ vào tình hình sở hữu trái phiếu Chính phủ tại ngày / / , Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam công bố tình hình nắm giữ trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả tín phiếu) của các nhà đầu tư như sau:

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Mã TP sở hữu	Mã ISIN	Phương thức phát hành	Kỳ hạn	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Số lượng	Giá trị đăng ký	Tổ chức phát hành	Số tài khoản tư ký
A. Nhà đầu tư trong nước														
1														
2														
B. Nhà đầu tư nước ngoài														
1														
2														

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Công bố thông tin nắm giữ công cụ nợ của Chính phủ trên tài khoản lưu ký của các tổ chức tín dụng mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**TRUNG TÂM LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN VIỆT
NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

*V/v Công bố thông tin nắm giữ
công cụ nợ của Chính phủ trên
tài khoản lưu ký của Sở Giao
dịch Ngân hàng Nhà nước Việt
Nam*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam công bố tình hình nắm giữ công cụ nợ của Chính phủ trên tài khoản lưu ký của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày..../..../..... như sau:

STT	Loại công cụ nợ của Chính phủ	Mã công cụ nợ	Khối lượng	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa
	Tín phiếu Kho bạc					
	Trái phiếu Chính phủ					
	Công trái xây dựng Tổ quốc					
	Tổng					

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)